

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH HÓA

Trịnh Trọng Nam (chủ biên)- Lưu Đức Hạnh

TÀI LIỆU BDTX GIÁO VIÊN THCS

NGŨ VĂN ĐỊA PHƯƠNG THANH HOÁ

(NỘI DUNG BỒI DƯỠNG II)

TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo viên các nhà trường trung học ngoài kiến thức phổ thông nói chung, không thể không hiểu biết về địa phương - Nơi mình sinh ra, lớn lên và trực tiếp giảng dạy học sinh. Vì vậy, trong chương trình bồi dưỡng giáo viên bậc học Trung học cơ sở, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã bố trí 30 tiết để dạy - học kiến thức về địa phương.

Nhằm thực hiện mục đích này, đáp ứng yêu cầu của chương trình, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn tài liệu **NGŨ VĂN THCS (Chương trình địa phương tỉnh Thanh Hoá)** theo chương trình của Bộ GD&ĐT.

Tài liệu được sử dụng chính thức trong chương trình bồi dưỡng giáo viên Trung học cơ sở hè 2013. Tổng có 18 bài học được chỉ định cụ thể như sau :

1. Phần Văn và Tập làm văn : Bài 1,3,5,6,9,10,15,13,11

2. Phần Tiếng Việt : Bài 2, 7,8,12,14,16,17,18

Hiểu biết địa phương là một trong những nền tảng văn hóa, vun đắp tình yêu quê hương. Tất nhiên tri thức về địa phương không phải chỉ có trong phạm vi 30 tiết giới thiệu. Bởi thế, các nhà trường và giáo viên cần có kế hoạch xây dựng chương trình học tập Ngữ văn địa phương để tham khảo bổ trợ và tổ chức dạy học tốt chương trình này.

Cũng rất mong sự góp ý để tài liệu hoàn thiện hơn trong các lần bồi dưỡng sau.

Trân trọng giới thiệu

Chủ biên

TRỊNH TRỌNG NAM

Bài 1 (4 tiết)

GIỚI THIỆU TRUYỆN DÂN GIAN THANH HOÁ

MỤC TIÊU

Giúp học viên:

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của một số truyện thuyết về Lê Lợi; liên hệ với truyện thuyết *Sự tích Hồ Gươm* để thấy rõ hơn hình tượng anh hùng Lê Lợi trong dân gian.
- Tổng hợp các truyện dân gian ở phần *Đọc thêm*, đối chiếu với bài *Ôn tập truyện dân gian*, từ đó nắm khái quát diện mạo truyện dân gian Thanh Hoá.
- Suu tầm, kể lại được các truyện trong tài liệu và một số truyện dân gian khác của Thanh Hoá. Biết liên hệ, so sánh với phần truyện kể dân gian đã học.

VĂN BẢN

TRUYỆN THUYẾT VỀ LÊ LỢI

1- Hồi giặc Minh đô hộ nước ta, không cam tâm nhìn giang sơn mất vào tay quân giặc tàn bạo, dân ta khắp nơi nổi lên chống lại chúng. Nhưng rồi, cứ lần lượt các cuộc khởi nghĩa đều bị thất bại. Bấy giờ trong gia tộc quan tu đồ (1) Trần Nguyên Đán, thuộc dòng hoàng tộc (2) có hai người anh em họ thân thiết, đều tài ba, lỗi lạc. Người giỏi văn chương, mưu lược là Nguyễn Trãi, cháu ngoại quan tu đồ. Người giỏi võ nghệ, cầm quân là Trần Nguyên Hãn, cháu nội quan tu đồ. Cả hai đều nuôi chí dẹp giặc, yên dân, nhưng do cảnh nước mất, nhà tan, thế giặc ngoại xâm còn mạnh nên đành khuất thân (3) chờ thời. Nguyễn Trãi bị giam lỏng ở thành Đông Quan (4), còn Trần Nguyên Hãn thì sống bằng nghề bán dầu.

Lần nọ, Trần Nguyên Hãn ghé thăm Nguyễn Trãi. Hai người liền rủ nhau đến thắp hương đền Chèm. Ngôi đền nổi tiếng linh thiêng ở đất kinh kì, thờ Hi Khang Đại Vương Lý Ông Trọng, một dũng sĩ thời Văn Lang-Âu Lạc (5). Do trời tối, không tiện quay về, nên cả hai đành xin nghỉ lại. Nửa đêm, họ bỗng thấy dưới ánh nến lung linh, có mấy quan tướng đi vào đền. Thì ra đó là các vị thần quanh vùng đến rủ Thánh Chèm lên dự hội Thiên đình, bàn chuyện nước Nam. Nhưng Thánh Chèm từ chối, nói rằng, hiện ở nhà có khách quý, bỏ đi không tiện. Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn vô cùng kinh ngạc, chưa biết hư thực thế nào, đã lại thấy các vị thần trở về, ghé vào. Thánh Chèm hỏi : “Phiên hôm nay bàn chuyện gì ? Có hiệu lệnh gì không ?”. Một vị thần đáp : “Thượng đế thấy nước Nam vốn riêng một cõi nay thành không có chủ, nên đã cho Lê Lợi, phụ đạo hương Khả Lam (6), trấn

Thanh Hoá làm vua”. Sáng sớm hôm sau, hai người vợ dâng hương bái tạ Đức Thánh Chèm, rồi khăn gói theo hướng nam mà đi, tìm vào Thanh Hoá theo phò Lê Lợi. Họ trở thành tướng văn, tướng võ, góp công lớn trong việc dẹp yên quân Minh, dựng xây cơ đồ nhà Lê.

2- Chuyện kể rằng, có lần bị giặc Minh truy đuổi gắt gao, nghĩa quân Lam Sơn tan tác gần hết, chỉ còn một số tướng sĩ theo Lê Lợi nhằm hướng nam mà chạy. Chạy một thời thì đến bờ sông Cầu Chày (7). Đói khát, mỏi mệt, mọi người liền dừng chân nghỉ. Bất chợt, họ nhìn thấy phía xa có một người đàn bà đang đi tới. Trên đầu bà ta đội một cái mâm đầy kín. Nhìn đám người nhọc nhằn uể oải, kẻ nằm, người ngồi, người đàn bà liền dừng lại hỏi han. Sau khi biết đây là nghĩa quân Lam Sơn vừa thoát vòng vây giặc, bà liền vui vẻ hạ mâm xuống và nói :

- Tôi đi đơm cơm đầu họ (8). Nhưng cứu một người phúc đặng hà sa (9), xin các ông đừng khách khí.

Được lời như cởi tấm lòng, chỉ một loáng mâm cơm đã hết sạch mà bụng các nghĩa sĩ vẫn chỉ mới lưng lửng. Biết ý, người đàn bà lại khẩn khoản mời mọi người về nhà để được khoản đãi. Tại nhà bà, sau khi ăn uống no say, Lê Lợi xin tạ ơn và hỏi họ tên để có cơ báo đáp, nhưng người đàn bà nhất mực từ chối. Lê Lợi liền lấy một mảnh vải, in hình bàn tay mình vào, gửi lại để làm tin.

Sau ngày lên ngôi, Lê Lợi nhớ ơn nghĩa xưa, cho người đến làng nọ tìm, nhưng người đàn bà đã mất, con cháu cũng li tán, không biết mảnh vải in hình bàn tay xưa kia thất lạc nơi nào. Cảm thương, nhà vua liền cho dựng đền thờ và cất cả một cánh đồng làm ruộng tế tự (10).

Ngôi đền ấy nay không còn, nhưng cánh đồng thì vẫn đó. Người dân nơi đây gọi là cánh đồng Mẫu Hậu (11), thuộc thôn Trung Lập, xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân.

3- Một năm sau ngày dựng cờ khởi nghĩa, nghĩa quân Lam Sơn bị quân Minh truy đánh ráo riết phải rút lên núi Chí Linh, thuộc địa phận huyện Lang Chánh ngày nay. Giặc lại bủa vây, quyết tiêu diệt bằng được. Tình thế nguy cấp, Lê Lợi họp các tướng thân tín lại, nói :

- Bây giờ có ai theo gương Kỉ Tín (12) ngày xưa, thay ta chịu cho giặc bắt thì mới giải được nguy này. Công lao ấy, sau này không giám quên !

Lê Lợi vừa dứt lời, Lê Lai đã khẳng khái lên tiếng :

- Việc thay trời hành đạo, dựng nên nghiệp lớn có thể không có tôi, nhưng không thể không có ông. Tôi xin tình nguyện đổi áo cho ông để dụ giặc.

Thế rồi, hai người gạt nước mắt đổi áo cho nhau. Lê Lai dẫn một đội quân xung trận phá vây. Giặc Minh bắt được Lê Lai, tưởng đã bắt được Lê Lợi nên rút quân. Chúng chém và bêu đầu Lê Lai bên một cây cầu, ngày nay gọi là cầu Lai, để thị uy (13) dân chúng. Hôm ấy, trời đất bỗng nhiên sầu thảm, mưa gió không thôi. Cũng ngay đêm hôm ấy, dân các làng bản xung quanh đã tập hợp, chen chúc nhau đông vô kể, làm lễ mai táng cho Lê Lai. Làng có mộ phần Lê Lai, sau này gọi là làng Chen.

Lê Lợi thoát hiểm, tập hợp, tuyển mộ thêm lực lượng, tiếp tục kháng chiến cho đến ngày thắng lợi. Sau khi lên ngôi, để ghi nhớ công lao của Lê Lai, Lê Lợi cho

lập đền thờ Lê Lai ở ngay quê hương ông, gọi là đền Tép, nay thuộc xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc. Nhà vua còn dặn con cháu phải làm giỗ Lê Lai trước giỗ mình một ngày. Lê Lợi mất ngày 22 tháng 8 âm, nên bây giờ Thanh Hoá mới có câu tục ngữ “Hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi”. Thường những ngày này, ở Thanh Hoá, trời cũng hay mưa gió, y như ngày Lê Lai hi sinh.

(Theo *Truyền thuyết và cổ tích Lam Sơn* - Ty Văn hoá Thanh Hoá - 1973)

Chú thích

(*) Trong kho tàng truyện dân gian Thanh Hoá, có hàng trăm truyền thuyết về *Lê Lợi và Khởi nghĩa Lam Sơn* (1418 - 1428). Từ truyền thuyết mở đầu - “Trao gươm” để đánh giặc cứu nước đến truyền thuyết cuối cùng - “Trả gươm” sau khi đất nước sạch bóng quân thù. Hệ thống truyền thuyết này cho ta thấy hình ảnh một người anh hùng chính nghĩa (được lòng “trời”) và nhân nghĩa (được lòng người).

(1) *Tư đồ* : chức quan đứng đầu trăm quan văn võ của vương triều Trần.

(2) *Hoàng tộc* : họ nội của nhà vua.

(3) *Khuất thân* : dẫu lai lịch, thân thế.

(4) *Đông Quan* : thành Thăng Long thời giặc Minh đô hộ nước ta.

(5) *Văn Lang - Âu Lạc* : tên nước ta thời Hùng Vương và An Dương Vương (cách đây khoảng trên 2000 năm).

(6) *Khả Lam* : vùng thị trấn Lam Sơn và các xã giáp ranh ngày nay.

(7) *Sông Cầu Chày* : bắt nguồn từ vùng núi Ngọc Lặc chảy qua các huyện Ngọc Lặc, Thọ Xuân, Yên Định, đổ vào sông Mã ở xã Định Công (Yên Định).

(8) *Đom còm đầu họ* : tục lệ cũ, các gia đình góp cỗ cúng ngày giỗ họ.

(9) *Phúc đẳng hà sa* : phúc nhiều như cát sông.

(10) *Ruộng tế tự* : ruộng mà mọi sản phẩm gieo trồng trên nó chỉ để dùng vào việc thờ cúng.

(11) *Mẫu Hậu* : mẹ vua. Ý nói, Lê Lợi coi người đàn bà này như mẹ.

(12) *Kỉ Tín* : tướng của Lưu Bang (247-195 tr CN). Khi Lưu Bang bị quân Hạng Vũ vây, Kỉ Tín đã giả làm Lưu Bang, để cho Hạng Vũ bắt, giết. Nhờ đó, Lưu Bang thoát nạn. Sau này Lưu Bang lên làm vua, lập nên nhà Hán ở Trung Quốc.

(13) *Thị uy* : tỏ rõ sức mạnh để đe dọa, làm cho phải sợ hãi.

ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

1. Đọc và kể lại 3 truyền thuyết về Lê Lợi.

2. Tìm hiểu nội dung, ý nghĩa của các truyền thuyết.

a) Truyền thuyết 1 :

+ Câu trả lời Đức Thánh Chèm của một vị thần như thế nào ? Nội dung câu trả lời này nói lên điều gì ?

+ Nếu đặt chi tiết “Đức Long Quân trao cho Lê Lợi gươm thần” trong *Sự tích Hồ Gươm* và chi tiết “Thượng đế cho Lê Lợi làm vua nước Nam” trong mạch truyện chung về Lê Lợi, thì theo đồng chí chi tiết nào diễn ra trước, vì sao ? Hai chi tiết - hai truyền thuyết này có ý nghĩa như thế nào ?

+ Nguồn gốc của Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn, việc thân báo mộng cho hai người, việc hai người tìm theo Lê Lợi nói với đồng chí điều gì ?

b) Truyền thuyết 2 và 3 :

+ Nêu ý nghĩa của mỗi truyền thuyết.

+ Hai truyền thuyết đều có một nội dung giống nhau, đó là nội dung nào ?

Nội dung này nói lên điều gì ?

c) Phát biểu cảm nhận chung về những điều mà nhân dân muốn gửi gắm qua 3 truyền thuyết này.

3. Tại sao lại xếp cả 3 truyện dân gian về Lê Lợi trên đây vào thể loại *truyền thuyết* ?

BÀI TẬP VỀ NHÀ

1. Sưu tầm thêm một số truyền thuyết về Lê Lợi và Khởi nghĩa Lam Sơn.

2. Đọc, kể lại các truyện dân gian ở phần *Đọc thêm*.

3. Xếp các truyện ở phần *Đọc thêm* theo thể loại truyện dân gian đã học.

ĐỌC THÊM

TRUYỆN TRẠNG QUỲNH

1- Hồi nhỏ Quỳnh đã nổi tiếng thông minh, lanh lợi. Trong làng có ông Tú Cát, tự cho mình học rộng, biết nhiều. Một hôm, ông Tú đón đường, bắt Quỳnh phải đối (1) đợc mới cho đi. Rồi ông đợc : “*Trời sinh ông Tú Cát*”. Quỳnh giả bộ ngây thơ, hỏi : “Trời đối với đất đợc không ?”. “Đợc”, ông Tú Cát trả lời. Quỳnh lại hỏi : “Cát đối với hung đợc không ?” (2). “Đợc”, ông Tú vừa cười, vừa đợc, có vẻ xem thường. Bấy giờ Quỳnh mới lễ phép : “Vậy thì cháu xin đối : “*Đất nứt con bọ hung*”. Bọ hung là con vật bẩn thỉu, chuyên dũi trong cút.

Ông Tú, biết mình bị lờm (3), nhưng không làm gì đợc cậu bé. Từ đó ông Tú không dám vênh váo rằng mình hay chữ nữa.

2- Năm ấy, sứ Tàu (4) đợc một con trâu mộng sang nước ta thách chọi trâu. Chúa Trịnh rất lo, cho đòi Trang Quỳnh vào hỏi kế. Quỳnh xin chúa yên tâm, cam đoan thế nào trâu ta cũng thắng. Rồi sai người nhốt một chú nghé đang bú mẹ lại, bắt nhện đói cả đêm. Sáng mai, khi trâu của sứ Tàu đang còn nghênh ngang giương sừng đợc đối thủ trong sới đấu (5), Quỳnh liền thả nghé con vào. Nghé tưởng trâu mộng là mẹ, lăn xả đên rúc tìm vú. Trâu của sứ Tàu hốt hoảng bỏ chạy. Thế là nghé ta thắng.

3- Chúa Trịnh hôm nào cũng ăn toàn sơn hào, hải vị (6) mà vẫn không thấy ngon miệng, mới đợc chuyện ấy phàn nàn với Trang Quỳnh, rồi bảo : “Người biết có món gì khiến ta ăn ngon sẽ có trọng thưởng !”. Quỳnh tâu : “Bẩm, chúa đã ăn món *mâm đá* chưa ạ !”. Chúa hỏi “món ấy ngon lắm à ?”. Quỳnh điềm nhiên : “Đạ, ngon lắm ạ !”. Thế là Chúa sai Quỳnh làm đợc nếm thử. Quỳnh mới sai người bỏ *mâm đá* vào nồi ninh, còn mình về nhà đợc đợc một lọ thức ăn, bên ngoài đợc hai

chữ *đại phong*. Chúa Trịnh ngồi đợi món *mâm đá* của Quỳnh từ sáng đến quá trưa sang chiều, mà hề hỏi, Quỳnh đều bảo “chưa nừ”. Đến khi biết chúa đã đói vàng mắt, Quỳnh mới tâu : “Hay xin Chúa dùng tạm cơm rau dưa trong khi chờ món *mâm đá*”. Chúa vui mừng, gật đầu ngay. Bữa cơm hôm ấy, Chúa ăn rất ngon miệng, nhất là món *đại phong*. Chúa mới hỏi : “*Đại phong* là món gì mà ngon thế?”. Quỳnh đáp : “Đây chỉ là món ăn thường ngày của những người dân quê”. Rồi giải thích : “*Đại phong* là *gió to*, *gió to* thì *đổ chùa*, *đổ chùa* thì *tượng lo*, *tượng lo* là *lọ tương*”.

Thì ra, Trạng Quỳnh muốn Chúa ăn ngon miệng đã lập mẹo để cho Chúa thật đói. Đói thì ăn gì chẳng thấy ngon, chứ làm gì có món “*mâm đá*”.

4- Bị Trạng Quỳnh chơi khăm nhiều lần, chúa Trịnh căm lắm. Bèn bày tiệc rượu, muốn đánh thuốc độc giết Trạng Quỳnh. Trạng biết bụng dạ chúa nên trước khi vào hầu Chúa dặn vợ con cứ “như thế, như thế”. Quả nhiên, vừa tiệc tùng ở phủ Chúa về đến nhà, Quỳnh đã lăn ra chết. Vợ con theo lời, không phát tang, mà đặt nằm trên võng, có kẻ hầu người hạ, lại còn thuê nhà trò đến hát múa vui vẻ. Chúa cho người dò xem Quỳnh có việc gì không, thấy thế, nổi giận, truyền nhà bếp đem món ăn đã đánh độc trạng lên cho Chúa thử. Không bao lâu sau, chúa cũng chết theo Trạng Quỳnh. Thế là, hôm nhà Chúa phát tang, nhà Quỳnh cũng phát tang.

Dân gian từ đó có câu ca :

*Trạng chết, Chúa cũng băng hà
Dưa gang đổ đít, thì cà đổ tròn*

Chú thích

(*) *Truyện Trạng Quỳnh* là một tập hợp gần 50 truyện cười dân gian xoay quanh nhân vật “Trạng Quỳnh”. “Trạng Quỳnh” tuy có tên tuổi, gốc gác - người làng Bội Thượng nay thuộc xã Hoàng Lộc, Hoàng Hoá, sống vào thế kỉ XVIII, thời vua Lê - chúa Trịnh, nhưng đây là nhân vật do tài năng, trí tuệ tuyệt vời của nhân dân sáng tạo nên. *Truyện Trạng Quỳnh* là tiếng cười chế giễu sảng khoái của nhân dân đối với triều đại phong kiến suy vong, từ vua chúa, quan lại đến những thói hư, tật xấu xã hội.

(1) *Đối* : câu đối - một thể văn cổ ngắn gọn, có hai *vế*, *vế ra* và *vế đối*. Mỗi *vế*, từ ngữ, dấu thanh, ý nghĩa đều phải cân xứng. Câu đối mà hai *vế* có từ ngữ, ý nghĩa trái ngược nhau gọi là *câu đối chọi*.

(2) *Cát* : tốt ; *hung* : xấu.

(3) *Lỡm* : làm cho người ta mắc lừa để trêu đùa, bỡn cợt.

(4) *Sứ Tàu* : viên sứ thần của vua nước Trung Quốc.

(5) *Sới đấu* : mặt bằng với kích thước quy định để hai đối thủ thi đấu.

(6) *Sơn hào, hải vị* : thành ngữ, chỉ món ăn ngon, quý hiếm chế từ sản vật của rừng núi và biển.

TRUYỆN PHƯƠNG HOA

Ngày xưa ở huyện Thuần Lộc có một người tên gọi Trương Đài kết bạn với một người tên là Trần Điện quê ở Lôi Dương (1). Họ cùng theo đòi bút nghiên, cùng thi đậu một khoa, lại cùng làm quan tại triều nên tình bạn ngày càng tâm đắc. Trương Đài có hai con trai, con trưởng là Cảnh Tĩnh đã có vợ, con thứ là Cảnh Yên. Trần Điện có một con gái tên là Phương Hoa. Hai gia đình giao ước cho Cảnh Yên lấy Phương Hoa làm vợ, chỉ đợi ngày làm đám cưới.

Trần Thanh Hoá bấy giờ có một viên quan võ là Tào Trung Uý nghe đồn Phương Hoa tài sắc vẹn toàn nên đến cầu hôn. Trần Điện từ chối rằng, đã hẹn gả con về nhà họ Trương rồi. Tào Trung Uý tức giận liền mạo chỉ nhà vua, bắt Trương Đài chém vì tội phản nghịch. Vợ con Trương Đài phải tìm đường trốn tránh lên mãi huyện Thạch Thành. Cả nhà từ đó chịu cảnh túng quẫn do không kịp đem theo tiền của, cũng không có người quen thuộc. Vợ Cảnh Tĩnh là Thị Trinh đến ngày sinh nở nhưng sức yếu, không thuốc men chăm sóc nên sớm lìa đời để lại đứa con gái còn trứng nước. Tình cảnh vất vả nay càng vất vả hơn.

Ngày qua tháng tới, đứa con Cảnh Tĩnh tên là Tiểu Thanh đã khôn lớn. Bấy giờ mẹ con họ Trương nghĩ nạn nhà do Tào Trung Uý gây ra đã lâu ngày, chắc không còn bị truy tìm nữa, nếu cứ ở mãi nơi thâm sơn cùng cốc (2) sẽ khó bề làm ăn nên bàn nhau về vùng xuôi sinh sống. Cảnh Tĩnh dắt mẹ già, Cảnh Yên bồng cháu nhỏ, bước thấp bước cao, dần tới huyện Lôi Dương. Họ xin trú ngụ trong nhà phú ông (3) họ Nguyễn. Người này lưu Cảnh Tĩnh làm gia sư (4), do đó cũng kiếm được chỗ nương náu qua ngày.

Lại nói về Trần Điện, biết Trương Đài mắc oan nhưng vì triều đình bấy giờ trong tay Tào Trung Uý nên đành ngậm đắng nuốt cay, đau thương cho cảnh ngộ của bạn. Nàng Phương Hoa cũng phiền muộn, ảo não không nguôi. Trần Công chỉ còn biết lựa lời khuyên con kiên nhẫn chờ ngày nổi oan được giải. Tào Trung Uý có cho người đến dạm hỏi, Trần Điện thì tìm cách lánh mặt, còn Phương Hoa nhất mực không ra ngoài suốt bảy tám năm trời.

Một ngày nọ, Phương Hoa đi tiễn chân bạn gái, trên đường trở về, nàng gặp Tiểu Thanh. Con bé hàng ngày ra ngoài kiếm thêm việc làm, vì Cảnh Tĩnh dạy học không đủ chu cấp (5) cho bốn miệng ăn, còn Cảnh Yên sức vóc học trò lại phải giữ

kín hành tung (6), không dám làm gì. Phương Hoa thấy Tiểu Thanh chột động lòng thương xót, ngỏ ý muốn nhận về nuôi. Từ đó, Tiểu Thanh ở với Phương Hoa.

Tiểu Thanh tuy nhỏ nhưng rất khôn ngoan nên được Phương Hoa hết lòng yêu quý. Lâu dần nàng hỏi chuyện, mới biết con bé chính là con Cảnh Tĩnh. Phương Hoa khóc lóc, cho Tiểu Thanh hay mình chính là vợ chưa cưới của Cảnh Yên. Nàng bèn đưa cho Tiểu Thanh một nén bạc mang về giúp gia đình, đỡ con túng thiếu. Còn lại, Phương Hoa chưa biết làm thế nào để thu xếp yên ổn cho Cảnh Yên. Cuối cùng, nàng quyết định mang mấy bộ quần áo, lấy thêm năm nén bạc gửi giúp Cảnh Yên ăn học. Nhưng nàng lại sợ Tiểu Thanh quá bé, mang tiền bạc đi đêm không chắc bèn dặn con bé nói với Cảnh Yên đêm nay đến chỗ ấy, chỗ ấy, sẽ cho người gặp gỡ.

Đêm ấy, Phương Hoa gọi Thị Liễu, kẻ ở trong nhà dặn dò cách thức, rồi trao tiền cho đi gặp Cảnh Yên. Không ngờ một đứa ở khác là Thị Đào nghe được. Đào về kể với chồng là Hồ Nghi. Nghi là kẻ háms lợi, tham lam, hấn giầu vợ nửa đêm rình sẵn chờ Thị Liễu đến chỗ hẹn đâm chết và cướp đi tất cả của cải. Cảnh Yên đến sau chỉ thấy một xác người máu me nằm đó, hốt hoảng bỏ chạy. Quan nha theo dấu chân có vết máu bắt được Cảnh Yên đem tống giam, chờ ngày xét xử. Về phần mình, Phương Hoa vô cùng lo lắng, sợ hãi. Biết chắc Cảnh Yên không phải là thủ phạm nhưng nàng không có cách nào cứu chàng. Mẹ Cảnh Yên trước tai bay vạ gió của con cũng phiền muộn, uất ức, đổ bệnh mà chết trong cảnh bần hàn. Phương Hoa nghe tin dữ không còn ngại ngần gì nữa, giao cho Tiểu Thanh mấy nén bạc để Cảnh Tĩnh lo việc ma chay, dặn dò Cảnh Tĩnh gắng bình tâm thu xếp việc nhà chờ cho tai qua nạn khỏi. Đêm khuya, nàng lại cùng Tiểu Thanh ra khóc tế mộ mẹ chồng.

Năm đó, triều đình xuống chiếu mở khoa thi. Phương Hoa nghĩ suy mãi bỗng nảy ra một kế. Nàng xin bố mẹ cho ra kinh đô mở quán bán hàng, tìm khách tài hoa, đành phận không cùng Cảnh Yên sum họp. Vợ chồng Trần Công thương con nên cũng thuận theo. Nhưng thực ra, Phương Hoa không mở quán bán hàng mà cải nam trang lấy tên là Trương Cảnh Yên nộp đơn ứng thí. Tài văn chương của nàng thật xuất sắc. Qua ba kì, Phương Hoa đã đỗ tiến sĩ.

Vào đêm trước buổi ban thưởng cho các tiến sĩ tân khoa (7), nhà vua nằm mộng, được thần nhân cho biết có tiến sĩ Cảnh Yên là bậc tài hoa. Sáng ngày, vua

truyền các quan tân khoa vào triều kiến. Khi thấy Cảnh Yên, vua ngỡ ngỡ, phán rằng :

- Tiên sĩ Thanh Hoa sao giống con gái vậy ?

Phương Hoa rập đầu, cởi mũ, xõa tóc, thú thực mình là con gái đội tên chồng đi thi để mong giải tỏ oan khuất nhà chồng. Nhà vua hỏi biết nguồn cơn do Tào Trung Uý gây họa nên ra lệnh trừng trị hẳn. Lại hỏi đến tung tích Cảnh Yên, Phương Hoa cũng thực tâu trình. Vua sai người tra án, bắt được Hồ Nghi. Bảy giờ Cảnh Yên mới thoát cảnh ngục tù.

Cảnh Yên được tha, lại được cả danh vị tiên sĩ vì Phương Hoa đội tên chàng đi thi. Nhưng sợ các sĩ tử không phục, vua lệnh cho giám khảo thử tài chàng. Vốn có chân tài thực học (8), Cảnh Yên vẩy bút thành văn, mọi người đều thừa nhận là xứng danh tiên sĩ.

Nhà vua cho chàng vinh quy, bái tổ và bổ làm quan (9). Cảnh Yên và Phương Hoa về làng làm lễ tế mẹ cha, ra mắt ông bà Trần Công, rồi đón Cảnh Tĩnh và Tiểu Thanh để cùng hưởng phúc.

(Theo *Truyện dân gian Thanh Hoá*, NXB Thanh Hoá -1986)

Chú thích

(1) *Thuần Lộc* : nay là huyện Hậu Lộc ; *Lôi Dương* : nay là huyện Thọ Xuân, một phần huyện Thường Xuân.

(2) *Thâm sơn cùng cốc* : núi sâu, hang động xa - chỉ vùng núi xa xôi.

(3) *Phú ông* : người giàu có.

(4) *Gia sư* : thầy dạy học của gia đình.

(5) *Chu cấp* : cung cấp, nuôi dưỡng.

(6) *Hành tung* : hoạt động và lai lịch.

(7) *Tiến sĩ* : học vị cao thời phong kiến, sau khi qua được kì thi Hội - thi Đình ở kinh đô ; Tân khoa : khoa thi vừa mới tổ chức xong.

(8) *Chân tài thực học* : tài thật, học lực thật

(9) *Vinh quy, bái tổ* : trở về quê được đón tiếp long trọng, vè vang để bái lạy tổ tiên, ông bà, cha mẹ - một nghi lễ thời phong kiến dành cho những người đỗ từ tiến sĩ trở lên ; *bổ* : cử giữ một chức quan nào đó.

SỰ TÍCH RƯỢU CÀN

Thuở xưa, ở bản Dum có một gia đình, tuy người vợ chẳng may mất sớm, nhưng người chồng vẫn ở vậy nuôi hai con trai khôn lớn. Ba bố con đều có sức khoẻ và siêng năng nên lúc nào lúa cũng chạt gác, trâu bò chạt gặm sà.

Từ khi cả hai người con trai có vợ, ông bố ít phải lên rẫy, làm nương (1), sáng sáng lại còn có người nấu nước pha trà, bữa cơm có người bung mâm rót rượu.

Tuy sung sướng, an nhàn, nhưng ông có một nỗi phiền muộn không biết nói cùng ai. Đó là tuổi đã cao mà chưa biết nên giao nhà cửa, tài sản này cho vợ chồng đứa con nào. Ông liền nghĩ cách thử lòng tốt của hai nàng dâu.

Một ngày, khác với thường lệ, mặt trời đã soi sáng khắp rừng, ấm nước trà pha đã nguội mà ông vẫn chưa thềm dậy. Thấy thế, người con dâu cả xếp ấm chén lại rồi định đi làm nương. Bấy giờ, ông bỗng rên la, kêu bị đau bụng. Cô vừa bước xuống cầu thang, ông liền gọi :

- Con ơi, dâu ơi, con đem giặt bộ quần áo cho bố !

Cô dâu cả quay lại, nhưng khi nhìn thấy quần áo có nhiều chỗ buộc túm, cô cho là bẩn, nên bỏ vào một xó nhà sà, rồi đi làm. Lúc ấy, cô con dâu thứ hai vác nước vừa về, ông lại nói :

- Dâu ơi, con ơi, đem giặt quần áo cho bố ! Bố đau bụng, quần áo không sạch sẽ đâu !

Người con dâu thứ hai nghe thấy thế, nhưng vẫn ngoan ngoãn ra suối giặt. Khi cô mở các túm buộc ở quần áo thì thấy toàn bạc trắng. Cô liền giặt sạch quần áo, rồi mang bạc về trả lại cho bố chồng không thiếu một đồng nào.

Lại một lần dọn cơm trưa, ông không ăn, dọn cơm tối, ông cũng không ăn. Mọi người trong nhà đều lo lắng, dồn hỏi mãi ông mới nói :

- Bố thèm ăn thịt dê trong hốc đá, thèm uống nước chảy ngược dòng.

Các con đều lấy làm lạ. Người con dâu cả, bỏ xuống sân, mòm lằm bằm : “Người già trái nết, muốn ăn những thứ đó thì về bên kia mới có được !” Còn hai người con trai thì vác súng vào núi đi tìm thịt thú. Nhưng họ đều không tìm thấy. Đến lần dọn cơm hôm sau, thấy trên mâm có bát dấm ốc do người con dâu thứ hai đem lên, ông bố ăn một cách ngon lành và khen : “Dâu ơi, con giỏi lắm, bố cảm ơn con nhiều lắm, mọi người mới hiểu ra, món bố muốn ăn là món ốc. Hốc đá là cái vỏ ốc, thịt trong hốc đá là ruột con ốc. Biết chuyện này, người trong bản, ai cũng khen cô dâu

thứ hai sáng ý, lại biết thương bố chồng, khiến cô dâu cả vô cùng bực tức. Cô dâu hai còn vào rừng vừa lấy củi vừa tìm nước chảy ngược dòng theo ý thích của bố chồng. Một hôm cô chợt thấy một đoạn suối đang chảy gặp đá chắn ngang nên nước tung ngược lên, cô liền hứng nước vào quả bầu khô, rồi lấy một nắm lá nút lại mang về. Cô dâu cả biết việc này, lừa lúc cô dâu hai vắng mặt lén bỏ vào bầu nước mấy nắm thóc, gạo, trấu, cốt cho bố chồng và dân bản chê cô dâu hai không biết thương bố chồng lại còn đàn độn cho bố ghét.

Nhưng lạ thay, mấy ngày sau không những bầu nước kia không hỏng mà từ trong đó còn bay ra mùi thơm. Thì ra, những thứ trong đó đã lên men thành một thứ nước thơm. Cô dâu hai lại đi chặt một cành trúc, xuyên thủng các mắt thành một cái ống, rồi bê bầu nước đến, mời bố chồng uống nước ngược dòng. Ông bố cắm cành trúc vào bầu nước hút lên để uống thấy nước trong bầu vừa thơm vừa ngọt. Càng uống, người càng lâng lâng, dễ chịu vô cùng.

Ông bố bảo cô dâu thứ hai làm thêm mấy bầu nữa, rồi cho mời cả bản đến uống nước chảy ngược dòng, mọi người lại càng khen cô dâu hai thông minh, tài giỏi, yêu quý bố chồng hết mực.

Ít lâu sau, cô dâu hai được bố chồng giao cho trông coi toàn bộ tài sản. Còn thứ nước chảy ngược dòng kia chính là rượu cần (2) truyền đến ngày nay.

(Theo *Văn học Thanh Hoá* - Sở Giáo dục & Đào tạo Thanh Hoá, 1990)

Chú thích

(*) Đây là truyện dân gian của dân tộc Thái do Cao Sơn Hải biên soạn theo lời kể của ông Phạm Bá Tình ở Hội Xuân, huyện Quan Hoá. Dân tộc Thái cư trú trên một địa bàn rộng lớn trải dài từ các tỉnh tây bắc đến Thanh Hoá, Nghệ An. Tổng số dân : 1.328.725 người. Dân tộc Thái ở tỉnh ta có 204.159 người (theo thống kê năm 1999), sống tập trung ở 9 huyện miền núi (trừ Cẩm Thủy, Thạch Thành). Thanh Hoá, ngoài dân tộc Kinh và Thái còn 5 dân tộc anh em khác cư trú là : Dao, Hmông, Khơ mú, Mường, Thổ. Kho tàng văn học dân gian của các dân tộc đều phong phú, đa dạng.

(1) *Nuong, rẫy* : đất trồng trọt được khai phá ở miền đồi núi,

(2) *Rượu cần* : một loại rượu dùng gạo nếp thơm, nếp cẩm và men chế từ lá, vỏ, rễ cây thuốc, ủ trong hũ, khi uống đổ nước sạch vào hũ rồi dùng cần để uống. Đây là một trong những đặc sản của một số dân tộc miền núi như Thái, Mường,...

Bài 2 (2 tiết)

MỘT SỐ TRÒ CHƠI DÂN GIAN Ở THANH HOÁ

MỤC TIÊU

Giúp học viên:

- Tổ chức và tham gia chơi một trong ba trò chơi được giới thiệu.
- Suu tầm và biết cách giới thiệu, tự tổ chức, tham gia một số trò chơi dân gian quen thuộc ở địa phương..
- Nắm khái quát về *trò chơi dân gian*.

Trò chơi 1

MÈO ĐUỔI CHUỘT

Cách chơi : Khoảng 9 đến 17 em cùng lứa tuổi, đứng vòng tròn, tay nắm tay giơ cao qua đầu. Một em làm *mèo*, một làm *chuột* (nên bắt thăm cho công bằng), đứng quay lưng vào nhau ở giữa vòng. Mở đầu, tất cả cùng hát : “*Mời bạn ra đây / Tay nắm chặt tay / Đứng thành vòng rộng / Chuột luôn lỗ hồng / Mèo đuổi đằng sau / Chuột chạy cho mau / Kéo mèo bắt được / Bắt được, bắt được / Thế là chú chuột / Lại đóng vai mèo / Co cẳng chạy theo / Bắt mèo hoá chuột*” (1). Khi hát hết câu cuối cùng, “chuột” bắt đầu chạy, luôn qua các lỗ hồng của vòng tròn. “mèo” chạy đuổi theo, đứng chỗ “chuột” vừa chạy. “Mèo” bắt được “chuột” thì thắng. Không bắt được “chuột” mà đã hết giờ (khoảng 5 phút một lần chơi), “mèo” bị thua. Sau đó lại đến cặp đôi khác đóng vai *mèo - chuột*, cho đến hết số người tham gia. Nếu muốn “thi đấu” thì những người thắng tiếp tục đóng vai *mèo - chuột*. Cứ thế, tìm ra người cuối cùng chiến thắng.

Trò chơi 2

THẢ ĐĨA BA BA

Cách chơi : Trò chơi có khoảng 5 đến 7 em cùng lứa tuổi tham gia. Địa điểm là một khoảng đất rộng vừa phải, chia làm 2 phần. Xung quanh là “bờ”, ở giữa là “ruộng nước” (có diện tích đủ để 2 người đuổi bắt nhau). Một em làm “nhà cái”. Nhà cái xòe bàn tay ra, những em còn lại đặt ngón trỏ vào bàn tay nhà cái. Nhà cái hát : “*Thả đĩa ba ba / Chớ bắt đàn bà / Phải tội đàn ông / Com trắng như bông / Gạo tiền như nước / Đổ mắm, đổ muối / Đổ lá chuối tiêu / Đổ niêu nước chè / Đổ phải nhà nào / Nhà nấy phải chịu, làm đĩa*”. Hát xong từ cuối cùng, nhà cái nhanh tay nắm lại, mọi người nhanh rút tay ra. Bắt được tay ai, người ấy phải làm “đĩa”, nếu không, nhà cái phải làm “đĩa”. “Đĩa” đuổi bắt người dưới “ruộng”. Người “làm ruộng” vừa mô tả động tác việc *đi cấy, đi cày, đi gặt, đi tát nước...* vừa hát “*sang sông / về sông / trồng cây / ăn quả / nhà hạt*”, mắt lại phải theo dõi để chạy tránh, đến động tác và lời hát cuối cùng thì lên “bờ”, không để cho “đĩa” bắt. Người nào bị “đĩa” bắt được, người ấy phải thay thế làm “đĩa”.

Trò chơi 3

NÉM CÒN

Cách chơi : *Sân còn* là một bãi đất rộng, ở giữa trồng một cây cột cao bằng tre, luồng,...trên đỉnh có một vòng tròn, gọi là *khung còn*. *Khung còn* một mặt dán giấy đỏ (tượng trưng cho mặt trời), một mặt dán giấy vàng (tượng trưng cho mặt trăng). Khoảng cách hai đầu sân với *cây còn* và chiều cao của *cây còn* tính toán sao cho không khó quá, cũng không dễ ném quá đối với người chơi. *Quả còn*, hình cầu, to bằng nắm tay trẻ nhỏ, khâu bằng nhiều múi vải màu, trong nhồi thóc hoặc hạt bông, có các tua vải nhiều màu, vừa để trang trí vừa có tác dụng cân bằng hướng. Người chơi, đứng đối mặt nhau ở hai đầu sân, tạo thành một đường thẳng với chân *cây còn* và ném *quả còn* (1 người / 1 lượt / mấy quả, tùy theo quy định của cuộc chơi). Ai ném *quả còn* lọt qua *khung còn* là người thắng cuộc. Khi có người thắng, *cây còn* được hạ xuống, dán *khung còn* mới, cuộc chơi lại tiếp tục. Có thể, cứ như thế, chọn ra những người chiến thắng để thi đấu với nhau, tìm ra “nhà vô địch”. (2)

Chú thích

(*) *Trò chơi dân gian* là một sinh hoạt văn hoá nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của nhân dân được truyền từ đời này sang đời khác. Mỗi một trò chơi có cách thức, thể lệ chơi khác nhau. Có trò chơi của người lớn, thường gắn với các lễ hội, tục thờ cúng thần linh, các dịp tết nhất. Có trò chơi dành cho trẻ em phù hợp với từng lứa tuổi. Do đặc điểm đối tượng, loại này diễn ra hàng ngày, đơn giản, dễ chơi, phong phú, đa dạng, ít tốn kém. PGS.TS Nguyễn Văn Huy, một nhà nghiên cứu dân tộc học nổi tiếng nhận xét “*Cuộc sống đối với trẻ em không thể thiếu các trò chơi. Trò chơi dân gian không đơn thuần là một trò chơi của trẻ con mà nó chứa đựng cả một nền văn hoá dân tộc độc đáo, giàu bản sắc. Trò chơi dân gian không chỉ nâng cánh cho tâm hồn trẻ, giúp trẻ phát huy khả năng tư duy, sáng tạo, sự khéo léo, mà còn giúp các em hiểu về tình bạn, tình yêu gia đình, quê hương, đất nước*”. Về quy mô, có loại trò chơi ít người, có loại trò chơi cần nhiều người. Về tác dụng, có loại nhằm rèn trí tuệ (chơi ô ăn quan, đánh cờ,...). Có loại rèn luyện sức khoẻ (kéo co, mèo đuổi chuột, cướp cờ...). Có loại cần sự khéo léo (đánh chuyền, đá cầu, nhảy dây,...). Gần như dân tộc nào, đất nước nào, địa phương nào cũng có trò chơi dân gian. Các trò lắm khi giống nhau, cũng nhiều điểm khác nhau. Ví dụ, Hàn Quốc cũng có các trò thả diều, vật, chơi đu, đá cầu,... Họ còn có trò bập bênh, nhảy bao bố,... Người Mường có trò đẩy gậy, bắn nỏ,... Vùng Quảng Trị có trò *hỏi tuổi về 12 con giáp* (tí, Sửu, dần, Mão,...). Mười hai bạn ngồi theo vòng tròn. Một bạn chỉ vào một bạn và cuộc chơi diễn ra. Hỏi : *Tuổi tí con chi ?* Đáp : *Tuổi tí con chuột* ; Hỏi : *Chuột kêu làm sao ?* Đáp : *Chuột kêu chít chít*. Đáp xong, bạn được hỏi đứng dậy, bắt chước chuột, vừa bò, vừa kêu, sao cho thật giống xung quanh vòng tròn người ngồi. Những bạn còn lại vỗ tay, hát : *Chuột kêu chít chít / Chít chít chi mà / Tao chặt khúc đầu / Tao thâu khúc giữa / Tao bửa lấy xương / Làm rường, làm cột / Tao lột lấy da / Bỏ sông Ngân Hà / Còn chi chít chít* theo nhịp động tác của “chuột”. Cứ thế, đến bạn khác làm con giáp khác. Lời hát, chỉ cần thay tiếng kêu của con giáp. Chẳng hạn : *Trâu kêu ngá ngá / Ngá ngá chi mà...*

Phú Yên có trò chơi *nhảy rào*. Chia làm 2 nhóm, mỗi nhóm khoảng 5 đến 7 bạn. Nhóm *hàng rào*, ngồi “xôm”, nắm tay nhau thành vòng tròn, canh chừng không cho người của nhóm kia nhảy vào trong *rào*. Nếu có người nhảy vào thì đứng bật dậy để bắt treo đối phương (một chân trong, một chân ngoài). Nhóm *nhảy rào*, lựa

sơ hở, phối hợp với nhau sao cho có 1 bạn nhảy vào được trong rào. Một người đã vào lọt, hàng rào chịu thua, phải mở ra để cả nhóm nhảy rào vào. Hết thời gian (tuỳ theo quy định), nhóm nhảy rào chưa vào được trong rào thì thua. Sau đó, đổi vai cho nhau để chơi tiếp.

Thanh Hoá phổ biến với các trò chơi : nhảy dây, chơi ô ăn quan, đánh chuyén, nhảy ô, chơi bi, chơi đáo, bịt mắt bắt dê, rồng rắn lên mây, nhảy rào,...Huyện Yên Định có câu ca “Trò Chiềng, vật Bộc, rổi Si / Com đắp kẻ Lở, com thi kẻ Lào” nói về các trò chơi ở các làng xã trong vùng xưa kia, ngày nay vẫn còn tổ chức vào các dịp lễ tết.

(1) Đây là loại bài hát mà khoa nghiên cứu văn học dân gian gọi là *đồng dao* (đồng : trẻ nhỏ ; dao : ca dao, bài hát). *Đồng dao* là “những bài hát dân gian Việt Nam có nội dung và hình thức phù hợp với trẻ em, do trẻ em hát, thường gắn với một số trò chơi nhất định, mỗi câu vừa ứng với một hành động, vừa tạo thành âm đệm, vừa cảm nhịp cho cuộc chơi, vừa chỉ dẫn cho động tác.” (*Từ điển văn học - Bộ mới*, NXB Thế Giới - 2003).

(2) *Ném còn* : Trò chơi của người Việt cổ, nay còn thấy nhiều ở dân tộc Mường, Thái, Tày, Hmông trong dịp hội xuân.

HƯỚNG DẪN DẠY - HỌC

1. Học viên đọc tài liệu trước ở nhà. Suu tầm thêm một số trò chơi dân gian quen thuộc của địa phương.
2. Giáo viên dành khoảng 15 - 20 phút đầu tiết học để học viên trao đổi về trò chơi dân gian nói chung, giới thiệu một số trò chơi đã sưu tầm được.
3. Giáo viên tổ chức cho học viên chơi 1 trong 3 trò chơi được giới thiệu. Ngoài ra, có thể tổ chức ngoại khoá, chơi các trò chơi dân gian khác, sao cho hấp dẫn, bổ ích.
4. Học viên thiết kế và trình bày 01 hoạt động/ 01 tiết dạy... Hướng dẫn chơi 01 trong 03 trò chơi dân gian trên.

Bài 3 (2 tiết)

RÈN LUYỆN CHÍNH TẢ

MỤC TIÊU

Giúp học viên:

- Phát hiện và sửa một số lỗi thường thấy do ảnh hưởng của cách phát âm Thanh Hoá.

- Hạn chế lỗi chính tả do ảnh hưởng của cách phát âm này trong quá trình dạy học, góp phần vào việc giữ gìn sự trong sáng tiếng Việt.

- Có kĩ năng hướng dẫn học sinh phát hiện và sửa lỗi phát âm tiếng địa phương Thanh Hóa trong quá trình học và giao tiếp.

I- BÀI TẬP

1. Phát hiện lỗi chính tả khi viết như sau và sửa lại cho đúng :

a) cha chuyền con nôi ; trà đạp ; giò trả ; bán chác ; chạc cây ; trạn bát ; vững trăi ; vững chãi ; trành chọe ; chành chọe ; trao nghiêng ; trặc lưỡi ; trắng buộc ; lẫm chẫm ; trập chà trập chòn ; trập trội ; che chở ; trêm lời ; trênh sức ; trểm trện ; chuyêch choạc ; nuốt chửng ; trệu trạo ; chệu chạo ; chát phẩn bôi sơn ; chau chuốt ; tráng âm chén ; chầy chậ ; trầy trậ ; chêu chọe ; trêu trọc ; trêu chọe.

b) xả thịt ; mưa sa ; xón xơ xon xác ; sáng chung ; xành ăn ; sản vật ; xạp gỗ ; xát cánh bên nhau ; xan xát ; xạt lở ; sám sịt ; đồ xẫm ; tối sẫm ; da đen sẫm ; đóng xập cửa lại ; úp sấp ; nhường com xẻ áo ; sợ xệt ; xỉ vả ; xiêm nịnh ; xiêu nhân ; xột xoạt ; sột soạt ; xuýt xoát ; suýt soát ; xuýt soát ; xông chuông ; xờn gai ốc ; sỡn da gà ; xụt xùi ; xào xạc ; xum họp ; sum họp ; xử dụng ; ứng sử.

c) rác rưởi ; giác quan ; tự dác ; rơm rạ ; rơm dạ ; bụng làm rạ chịu ; rệu rã ; giệu giã ; dôm dả ; rôm rả ; ra vẻ ; da vẻ ; gia vẻ ; rạng danh đất nước ; dạng danh đất nước ; ráo riết ; dáo giết ; dáo diết ; tạnh ráo ; tạnh dáo ; tanh giáo ; dên dằm ; rên rằm ; đình đập ; rỏ rau ; đổ rau ; run rùi ; dun dùi ; mục duỡng ; mát dươi ; bút dứt ; dượt đuôi ; đón dước ; rữ rươi ; dung động ; giùm beng ; dung dinh.

d) con muôi ; đội mũ ; nay nay em 11 tuổi ; kĩ thuật ; kĩ luật ; kỉ thuật ; cao ngát ngưỡng ; cao ngát ngưỡng ; ngưỡng cửa ; ngưỡng cửa ; nhìn mê mãi ; rửa mặt ; chãi đầu ; nàng tôi xanh bóng tre ; em rất thích ăn thạch nợn nuộc ; trái tiêm làm chỗ để trên đầu ; tim thuốc phòng dịch ; con chiêm hót nú no ; con kín mà leo cành đa ; con chùn chùn đậu ở bờ ao ; tôi yêu đất nước ; riệu nhạt cùng say.

2. Điền thanh **hỏi** hoặc **ngã** thích hợp vào các từ in đậm trong đoạn văn sau :

“Trong **xa** hội Mường **cô** truyền nghề dệt được coi là một tiêu **chuân** đánh giá **kha** năng lao động và vị trí **dua** người phụ **nư**. Người phụ **nư** nào dệt **gioi** không

nhưng được đánh giá cao mà còn được cộng đồng làng xóm kính trọng. Chính vì **le** đó mà ngay từ khi lên 7-8 **tuổi** các bé gái đã bắt đầu làm quen với **nhưng** công việc đơn **gian** như quay sợi, phơi bông, tách hạt, hái dâu, chần tằm và được mẹ truyền cho cách dệt các loại **vai**”. (Phạm Thị Quy)

II- NHỮNG LỖI CHÍNH TẢ THƯỜNG THẤY DO ẢNH HƯỞNG CỦA CÁCH PHÁT ÂM Ở THANH HOÁ

1. Do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương, theo em học sinh Thanh Hoá thường mắc những lỗi chính tả nào sau đây. Điền dấu X vào ô trống để trả lời.

A- Viết **tr = ch** và ngược lại

B- Viết **x = s** và ngược lại

C. Viết **v = d** (vui vẻ + dui dẻ)

D. Viết **r = d = gi** và ngược lại

Đ. Viết **n = l** và ngược lại

E. Viết và phát âm lẫn lộn dấu **thanh hỏi** và **thanh ngã**

G. Viết vần **i = iê ; uô = u** (trái tim + trái tiêm; nuôt + nút)

H- **uot = uoc** (xanh muôt = xanh mước)

2. Điền vào chỗ trống để được bài học về chính tả :

“Do đặc điểm phát âm của địa phương, nên người Thanh Hoá thường mắc các lỗi chính tả sau :

.....
.....
.....
.....

Vì vậy khi viết, cần chú ý để không mắc các lỗi này”.

III- LUYỆN TẬP

1. Chữa lỗi chính tả và chép lại đoạn văn sau :

Khởi nguồn từ vùng núi cao Điện Biên, sông Mã chảy qua Sầm Nưa (Lào), vào địa phận Thanh Hoá ở xã Tam Chung, huyện Mường Lát. Với chiều dài 242 km (trên tổng 528 km), sông Mã cùng các chi lưu của nó chảy qua 13/16 huyện chong tỉnh đã tạo nên một lưu vực chím 4/5 diện tích toàn tỉnh. Dọc theo hệ thống sông Mã là đồng bằng rộng lớn, những bản làng, thôn xóm chù phú, những di tích văn hoá, lịch sử quan trọng, danh lam thắng cảnh nổi tiếng.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Ra một số dạng bài tập giúp học sinh phát hiện và sửa lỗi do phát âm tiếng địa phương Thanh Hóa. Trình bày và đánh giá bài tập theo nhóm.

Bài 4 (1 tiết)
GIỚI THIỆU DANH LAM THẮNG CẢNH
VÀ DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HOÁ THANH HOÁ

MỤC TIÊU

Giúp học viên:

- Nắm được những di tích, danh thắng mà bài học cung cấp (vị trí địa lý, cảnh quan, nội dung, ý nghĩa).
- Nhớ và phân loại được các di tích, danh thắng nổi tiếng trong tỉnh.
- Biết viết bài giới thiệu di tích, danh thắng của địa phương.
- Có ý thức bảo vệ, giữ gìn, phát những giá trị tốt đẹp của của di tích, danh thắng.

VĂN BẢN 1

BÃI BIỂN SÂM SƠN

Bãi biển Sầm Sơn thuộc thị xã Sầm Sơn, cách thành phố Thanh Hoá 16 km. Bãi biển có hình trăng khuyết, dài 9 km, rộng hàng trăm mét, chạy từ chân núi Trường Lệ đến xã Quảng Cư. Các bãi tắm ở đây, mặt cát đều bằng phẳng, mịn

màng, sóng thường lúc nào cũng xanh trong, lại cao và mạnh vừa đủ, khiến người tắm biển thích thú mà không sợ nguy hiểm. Thêm nữa, độ mặn cùng nhiệt độ của nước biển thích hợp nên rất tốt cho việc bồi dưỡng sức khỏe. Sầm Sơn cũng rất giàu hải sản, với gần 1000 loại khác nhau để đáp ứng nhu cầu ẩm thực biển của du khách. Ngoài ra, Sầm Sơn còn là một vùng thiên nhiên kì thú với trời mây, non nước và những thắng tích đầy màu sắc huyền thoại như hòn Trống - Mái, đền Cô Tiên, đền Độc Cước,... Từ đây, bạn cũng rất tiện đường làm một chuyến đi “trong ngày” đến các điểm tham quan, du lịch nổi tiếng : Hàm Rồng, Lam Kinh, Thành Nhà Hồ, Vườn quốc gia Bến En, Suối “cá thần” Cẩm Lương,...

Vì thế, từ năm 1906, người Pháp đã khai thác, đưa vào sử dụng bãi biển Sầm Sơn và đánh giá đây là bãi biển tốt nhất nước ta.

(Viết lại theo *Địa chí Thanh Hoá, tập II* - NXB Khoa học Xã hội-2004)

VĂN BẢN 2

THÀNH NHÀ HỒ

Thành Nhà Hồ là tên gọi dân gian của thành Tây Đô - Tây Giai - An Tôn, thuộc địa phận hai xã Vĩnh Long, Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, cách thành phố Thanh Hoá gần 50 km.

Thành được Hồ Quý Ly xây dựng năm 1397 nhằm chuẩn bị cho việc thay đổi triều đại và phòng thủ đất nước trước dã tâm xâm lược của triều Minh. Ân ngữ quanh thành là 4 ngọn núi. Thổ Tượng ở phía bắc, Hắc Khuyển ở phía đông, Ngưu Ngọa, phía tây và Đôn Sơn, phía nam. Ngoài ra, sông Mã từ hướng tây chảy qua, sông Bưởi từ hướng đông đổ về tụ hội, vừa tạo nên bức bình phong tự nhiên che chắn, vừa làm cho nơi này thành chốn sơn thủy hữu tình. Năm 1400, Hồ Quý Ly phé truất nhà Trần, lập nên nhà Hồ, ông đã dời kinh đô từ Thăng Long về đây, gọi là Tây Đô. Thành có chu vi 3058m, diện tích gần 1 cây số vuông. Mặt ngoài ghép bằng đá khối, phần lớn dài 2m, rộng 1m, dày 0,7m ; một số có kích thước 4m x 1,2m x 0,7m. Bốn cửa chính ra vào thành cũng bằng đá khối. Cửa Tiên, ngoảnh hướng nam, lớn nhất, rộng 38m, cao hơn 10m gồm 3 vòm cuốn mà vòm giữa cao 5m75 m, rộng 5,82m. Hai vòm bên đều cao 5m35 m, rộng 5,15m. Trong thành là

hệ thống cung điện. Bao quanh thành là hệ thống hào nước rộng 50m, sâu vài mét và lũy tre.

Thành Nhà Hồ, cách đây hơn 600 năm vừa là quốc đô vừa là thành lũy quân sự vô cùng kiên cố. Người đời sau vô cùng kinh ngạc trước kỹ thuật xây đá nguyên khối, có khối nặng 16 tấn ở độ cao trung bình 6m cùng tốc độ xây dựng - trong 3 tháng - như sử cũ đã ghi của toà thành đô này. Hồi đầu thế kỉ XX, nhà nghiên cứu người Pháp Bê-da-xi-en đã khẳng định “đây là một trong những tác phẩm đẹp nhất của nền kiến trúc Việt Nam”. Thành Nhà Hồ được công nhận là “Di sản văn hoá thế giới” năm 2011.

(Viết lại theo *Địa chí Thanh Hoá, tập II* - NXB Khoa học xã hội-2004)

VĂN BẢN 3

LAM KINH

Lam Kinh hay Lam Sơn nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, cách thành phố Thanh Hoá 50 km về phía tây bắc. Từ 1418 đến 1424, Lam Sơn là đại bản doanh của cuộc khởi nghĩa chống quân xâm lược Minh do Bình Định Vương Lê Lợi lãnh đạo. Sau khi khởi nghĩa thắng lợi, lập nên nhà Lê, Lê Lợi - Lê Thái Tổ (1428-1433) đã cho khởi công xây dựng nơi đây thành *Kinh đô tinh thần* của vương triều nên Lam Sơn được gọi là Lam Kinh. Các đời vua Lê sau, kế tiếp mở mang, tôn tạo, khiến Lam Kinh càng ngày càng bề thế.

Lam Kinh phía bắc tựa lưng vào núi Du Sơn, quay mặt hướng nam nhìn ra sông Chu, hai bên đông-tây là rừng núi uốn lượn. Bốn mặt tường thành, dài 314m, rộng 254m, bề dày trên 1m, chính diện hình cánh cung, bán kính 164m. Qua cổng thành là sông Ngọc, một con sông đào, rộng 19m, vượt Tiên Loan Kiều (cầu Bạch), hình cánh cung, có mái che, đi khoảng 50m vào đến *Ngọ Môn*. Ngọ Môn 2 tầng mái, 3 gian, 3 cửa, rộng 11m, dài 14,1m. Qua Ngọ Môn là *Sân Rồng*, diện tích hơn 3.500 mét vuông, lát gạch. Hai bên Sân Rồng là nhà tả vu, hữu vu (nhà phục vụ). Sân Rồng lên *Chính Điện* theo 3 lối, 9 bậc. Hai bên lối đi giữa trang trí rồng vờn ngọc, tạc tròn, thân uốn khúc. Chính Điện, bề ngang 38m, sâu 46m, cao 1,8m so

với Sân Rồng, gồm 3 toà 2 tầng mái theo hình chữ “công” (I). Điện phía trước là Quang Đức, ở giữa là điện Sùng Hiếu, sau cùng là điện Diên Khánh. Phía tây Chính Điện là 2 điện thờ thân phụ và hai anh của Lê Thái Tổ, mỗi điện 5 gian. Phía đông, nhà ở của quan lại và binh lính trông coi. Sau Chính Điện có một sân hình cánh cung, chiều dài nhất 177m, có 9 khoảng cách chiều sâu khác nhau. Tiếp đến là 9 toà Thái Miếu - khu “nhà thờ” của dòng tộc vua Lê, cao hơn mặt sân 90cm, mỗi toà đều có diện tích 200 mét vuông. Lối đi giữa các Thái Miếu đều rộng 4m.

Lam Kinh còn có một hệ thống lăng tẩm với bia ghi công đức, là nơi an nghỉ của các vua Thái Tổ, Thái Tông, Thánh Tông, Hiến Tông, Túc Tông và Hoàng Thái hậu Ngô Thị Ngọc Dao, mẹ vua Thánh Tông.

Khu thành điện Lam Kinh mang dáng vẻ trang nghiêm, huy hoàng của hoàng thành, dáng vẻ linh thiêng, trầm mặc của tôn miếu giữa một vùng sông núi hữu tình. Thời xưa, hàng năm, các vua cùng triều đình nhà Lê đều về đây bái yết. Ngày nay, vào ngày 21 tháng 8 âm lịch, ngày giỗ Lê Lợi - Lê Thái Tổ, nhân dân Thanh Hoá lại làm lễ trọng để tưởng nhớ trong 3 ngày. Khách thập phương nô nức kéo về tham gia *Lễ hội Lam Kinh*.

(Viết lại theo *Địa chí Thanh Hoá, tập II* - NXB Khoa học Xã hội-2004)

Chú thích

* *Di tích* : dấu vết vật chất của quá khứ xa xưa còn lưu lại ; *Thắng cảnh* : phong cảnh đẹp nổi tiếng. *Danh lam thắng cảnh* (thắng tích) : di tích và phong cảnh đẹp nổi tiếng.

Tuỳ theo giá trị mà thắng tích được công nhận là di sản- vốn quý của một tỉnh, một quốc gia hay toàn nhân loại. Hiện nay, nước ta có những di sản sau đây được Tổ chức Văn hoá - Khoa học - Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là di sản thế giới :

- *Di sản văn hoá thế giới* : Cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn, Khu trung tâm hoàng thành Thăng Long và Thành Nhà Hồ.

- *Di sản thiên nhiên thế giới* : Vịnh Hạ Long, Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

- *Di sản nhân loại* (Kịch tác phi vật thể và truyền khẩu nhân loại) : Nhã nhạc cung đình Huế, Không gian văn hoá công viên Tây Nguyên, Ca trù, Quan họ, Hội Gióng và Hát Xoan.

- *Di sản tư liệu thế giới* : Mộc bản triều Nguyễn và 82 bia đá các khoa thi Tiến sĩ triều Lê - Mạc ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

HƯỚNG DẪN DẠY - HỌC

1- HV đọc, ghi nhớ nội dung chính, vẽ lại sơ đồ (sa bàn) của 3 văn bản ; Tìm hiểu thêm ít nhất một di tích ở địa phương.

2- Tổ chức cho HV đọc tại lớp và chọn giới thiệu 1 trong 3 danh thắng, di tích qua sơ đồ (sa bàn).

3- Tổ chức cho HV rút ra bố cục của văn bản giới thiệu danh thắng, di tích và cách giới thiệu theo bố cục.

4- Tổ chức cho HV giới thiệu thêm danh thắng, di tích ở địa phương.

5- HS nêu ý nghĩa, giá trị và luyện tập phân loại danh thắng, di tích (cung cấp một danh mục các danh thắng, di tích để HS sắp xếp vào bảng phân loại : danh lam-thắng cảnh ; di tích văn hoá ; di tích lịch sử ; di tích văn hoá-lịch sử ; di tích cách mạng).

6- Trao đổi về nhiệm vụ giữ gìn, bảo vệ, quảng bá danh thắng, di tích của quê hương, đất nước.

BÀI TẬP VỀ NHÀ

Viết bài giới thiệu một danh thắng hoặc di tích của tỉnh hoặc địa phương.

Bài 5 (3 tiết)

THỰC HÀNH SỬA CHỮA CÁC LỖI CHÍNH TẢ TIẾNG ĐỊA PHƯƠNG THƯỜNG GẶP

MỤC TIÊU

Giúp học viên:

- Tiếp tục làm các dạng bài tập khắc phục những lỗi chính tả do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.

- Có thói quen cẩn thận trước khi nói và viết những từ ngữ dễ sai do cách phát âm Thanh Hoá tạo ra. Có ý thức viết đúng chính tả và phát âm chuẩn.

I- BÀI TẬP

1. Phát hiện và sửa lỗi chính tả thường gặp.

a) Gạch chân những từ viết sai chính tả trong đoạn thơ sau của Tố Hữu.

Bàng hoàng như đũa trim bao
Chẳng mây Tam Đảo tuôn vào Trường Xon
Giốc quanh sườn núi mưa chơn
Tuởng Miền Nam đó, trập trờn hôm mai
Đường đi...hay dắc mơ dài
Nước non ngàn rặm nên bài thơ quê

b) Chỉ ra các loại lỗi chính tả trong đoạn thơ trên.

2. Làm các bài tập chính tả.

a) Viết lại cho đúng các từ sau : tim phòng ; trái tiêm ; con hiu ; điều hiêu ; giới thịu ; thảnh thơi ; nghĩa vụ ; sẵn áo ; siêu vẹo ; xồng sộc ; suýt xoa.

b) Điền vào chỗ trống tiếng có âm đầu ch hoặc tr để hoàn thành câu thành ngữ.

.....hay không bằng tay quen.

.....ngã em nâng

Lời.....cao hơn mâm cỗ

.....mặt gửi vàng

.....già măng mọc

c) Dòng nào sau đây viết đúng chính tả ?

A- con trâu, lá trâu, con trâu trâu

B- con trâu, lá châu, con châu châu

C- con châu, lá châu, con châu trâu

D- con trâu, lá trâu, con châu châu

Đ- chái nhà, chạc cây, vũng chãi

E- trái nhà, chạc cây, vũng trái

G- chái nhà, chạc cây, vũng trái

H- trái nhà, trạc cây, vũng trãi

d) Điền thanh **hỏi** hoặc **ngã** thích hợp vào các từ **in đậm** trong đoạn thơ sau:

*Công làng bông bênh mây **nôi***

*Nào hay trời **cung** gần **thôi***

*Vừa mới bước qua **ngo** **trúc***

Đa** đi **lơ** **lưng** **giữa** **trời

(Trần Đăng Khoa)

II- LUYỆN TẬP

Chép lại đoạn văn sau khi đã sửa lỗi chính tả :

VỨT DÁC BỪA BÀI - MỘT THÓI QUEN KHÔNG TỐT

Chúng ta không thể sống mà không thãi giác. Nhưng việc thãi dác ở đâu và như thế nào là một vấn đề dất đáng quan tâm. Chính ý thức trura tốt và thói quen vứt dác bừa bãi hàng ngày là một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm và làm mất đi vẻ đẹp của môi trường chúng ta đang sống.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6 (1 tiết)

CA DAO - DÂN CA - TỤC NGỮ THANH HOÁ

MỤC TIÊU

Giúp học viên:

- Ghi nhớ, hiểu nội dung, ý nghĩa, cảm nhận được một số câu ca dao, dân ca, tục ngữ Thanh Hoá.

- Nhận biết được Thanh Hoá có một kho tàng tác phẩm trữ tình dân gian phong phú, đa dạng. Từ đó thêm yêu và tự hào về quê hương.

- Nắm được cách thức cơ bản và có hứng thú sưu tầm ca dao, dân ca, tục ngữ của địa phương.

VĂN BẢN

Tục ngữ

1. Sấm đầu sông Sấm (1) sửa gác sửa chòi ;
Sấm cuối sông Sấm sửa mai sửa thuồng.
2. Hạng một chạp lúa tốt bông sai ;
Hạng giêng hai ruộng thua mùa mất.
3. Trai đừng đi xuôi bỏ ruộng tháng năm ;
Gái đừng đi chơi chợ bỏ lúa tầm tháng ba.
4. Thương nhau nói thẳng trước mặt,
Ghét nhau nói quật sau lưng.
5. Làm từ nhỏ sẽ lớn thành đầu voi,
Làm từ lớn sẽ nhỏ thành đuôi chuột.
6. Đom đóm vào nhà thì nắng ;
Đoi tăng tắng (2) vào nhà thì mưa.
7. Thà ăn cơm lộn nâu (3), chẳng đành chăn trâu lộn bò.
8. Được nén vàng chẳng bằng học được con đàn làm ăn.
9. Chửi đừng chửi nặng,
Mắng đừng mắng đau,
Còn có ngày thương nhau trở lại.
10. Giàu chớ khoe khoang,
Sang chớ vội mừng,
Trời còn bưng đi bưng lại.
11. Thuyền thúng úp núi Nưa (4) không mưa cũng bão.
12. Tháng chín mạ chà, tháng ba mạ thóc. (5)
13. Rung (6) kêu đàn nam cá vàng cá bạc ;

- Rung kêu đàng bấc bốc muối ra ăn.
14. Nem xứ Huế, quế xứ Thanh.
Nghệ Yên Thành, Thanh Nông Cống.
Trống Đồng Cổ, gỗ Phong Ý. (7)
15. Cá mè sông Mực chắm với nước mắt Do Xuyên, (8)
Chết xuống âm phủ còn muốn viên (về) mút xương.
16. Ăn lựa bát nói lựa lời,
Đừng có chơi bời với kẻ nói rông. (9)
17. Chàng ràng (10) bắt cá hai tay,
Con trong cũng mất, con ngoài cũng không.

(Theo *Hợp tuyển văn học dân gian các dân tộc ở Thanh Hóa*
- NXB Văn học - 1990)

Chú thích

- (1) *Sông Sấm* : sông Chu.
- (2) *Tăng tắng* : một loại dơi lông vàng ; cũng có nơi gọi dơi là con tăng tắng.
- (3) *Nâu* : một loại cây dây leo trên rừng, củ nằm dưới đất, hình tròn, sần sùi, màu xám nâu, vị chát, thường dùng để nhuộm vải, thuộc da.
- (4) *Núi Nưa* : thuộc các huyện Nông Cống, Triệu Sơn, Như Thanh.
- (5) *Mạ chà* : mầm rễ dài ; *mạ thóc* : mầm rễ ngắn, gần như còn nguyên hạt thóc.
- (6) *Rung* : tiếng sóng khi biển động
- (7) : *Đồng Cổ* : ngôi đền thờ thần Trống Đồng, thuộc làng Đan Nê, xã Yên Thọ, huyện Yên Định ; *Phong Ý* : một thôn thuộc xã Cẩm Phong, huyện Yên Định.
- (8) *Sông Mực* : một đoạn của sông Yên, từ Bến Sung (Như Thanh) đến làng Mực (xã Vạn Hoà, Nông Cống). Do Xuyên : thuộc xã Hải Thanh, Tĩnh Gia.
- (9) *Nói rông* : nói dài dòng, khoác lác, không đáng tin.
- (10) *Chàng ràng* : không kiên định, trước sau như một.
- * Câu 1 đến câu 5 là tục ngữ Thái ; câu 6 đến câu 10 là tục ngữ Mường. Câu 11 đến câu 17 của dân tộc Kinh.

VĂN BẢN

Ca dao - dân ca

1. Sông *Tuần* một giải nông sờ,
Hàm Rồng một giải lò mờ núi cao.
Vui thay núi thẳm sông sâu,
Thuyền đi hai dãy như sao trên trời. (1)
2. Đồn rằng *Kẻ Trọng* lắm cau,
Kẻ Cát lắm mía, *Kẻ Mau* lắm tiền (2).
3. Dạy con từ thuở *tiểu sinh*, (3)
Gần thầy gần bạn tập tành lễ nghi.
Học cho *cách vật trí tri*, (4)
Văn chương chữ nghĩa nghề gì cũng thông.
4. *Ba vương* sánh với *bảy tròn*, (5)
Đời cha nhân đức đời con sang giàu.
Trời nào có phụ ai đâu,
Hay làm thì giàu có chí thì nên.
5. Trứng rồng lại nở ra rồng,
Hạt xoan lại nở cây xoan rườm rà.
Có cha mới sinh ra ta,
Làm nên thì bởi mẹ cha vun trồng.
Khôn ngoan nhờ *ám* (6) cha ông,
Làm nên phải đoái (7) tổ tông phụng thờ.
Đạo là con, chớ có hững hờ,
Phải đem hiếu kính mà thờ *từ nghiêm*. (8)
6. Anh ơi có chí canh nông (9),
Chín phần ta cũng được trong tám phần.
Can chi để ruộng mà ngâm,
Làm ruộng lấy lúa nuôi tằm lấy tơ.
Tằm có lúa, ruộng có mùa,
Chăm làm trời cũng đền bù có khi.
7. Nửa đêm thức giấc trông trời,
Ngôi sao Bắc Đẩu đã dời sang đông.
Bước vào phòng học gọi chồng,
Trở ra cắt gánh làm đồng kéo trưa.

8. Sáng trăng cho tỏ cho tường,
Cho bạn đan lưới, cho phường làm gai (10).
Nhất vui đan lưới thuyền chài,
Chờ cho biển lặng có ngày phong lưu. (11)
9. Bao giờ cho lúa về về (12),
Sớm thì đi cắt (13) tối về lại rang.
Chày tre, cối đất sẵn sàng,
Trắng thanh gió quạt vừa làm vừa ăn.
10. Cái bản (14) là cái bản chi,
Làm cho thân thích biệt li vì bản.
Cái bản là cái tần ngàn,
Làm cho bạn hữu đang gần lại xa.
Cái bản là cái tần ngàn,
Làm cho bạn hữu đang gần lại xa.
Cái bản là cái xót xa,
Làm cho vay một trả ba không rồi.
Cái bản là cái lời thôi,
Làm cho quân tử (15) đứng ngồi không an.
Cái bản là cái dở dang,
Làm cho trăm mối dở dang vì bản.
Xưa nay tạo hoá (16) xoay vần,
Hết bản lại phú, chẳng cần gì đâu.
11. Ra đường quần lĩnh áo the,
Về nhà không có con me mà cày.
Ra đường quần lĩnh áo sồi,
Về nhà chẳng có cái nồi nấu ăn.
12. Thân em khó nhọc trăm bề,
Sớm đi ruộng lúa, tối về ruộng dưa,
Vội đi quên cả cơm trưa,
Vội về quên cả cơn mưa ướt đầu.
13. Anh mong làm bạn với trời,
Trời cao, anh thấp biết đời nào quen !

14. Cốc cốc đánh mõ đi tuần,
 Cha mi nói dối đau chân ở nhà.
 Làng tuần vừa thịt con gà,
 - Con ơi ! Bỏ gậy cho cha đi tuần.
15. Ao rộng thì lắm ốc lồi,
 Những người lắm vợ là người trời bêu.
 (Theo *Thanh Hoá quan phong* của Vương Duy Trinh
 và *Hợp tuyển VHDG các dân tộc ở Thanh Hoá*)

Chú thích :

- (1) Các địa danh thuộc vùng Hàm Rồng, đoạn từ Ngã ba Tuần đến Hàm Rồng thuộc các huyện Thiệu Hoá, Hoằng Hoá, TP Thanh Hóa).
- (2) *Kẻ Trọng, Kẻ Mau* : địa danh thuộc Hoằng Quý, Hoằng Cát (Hoằng Hóa).
- (3) *Tiểu sinh* : còn nhỏ.
- (4) *Cách vật trí tri* : hiểu biết sự vật, hiện tượng.
- (5) *Ba vuông, bảy tròn* : chỉ sự trọn vẹn, hoàn hảo.
- (6) *Ám* : phúc đức do tổ tiên để lại.
- (7) *Đoái* : nhớ đến.
- (8) *Từ nghiêm* : cha mẹ (tổ tiên, ông bà).
- (9) *Canh nông* : làm ruộng, làm nông nghiệp nói chung.
- (10) *Bạn, phường* : một nhóm người cùng một ngành nghề.
- (11) *Phong lưu* : đời sống đầy đủ.
- (12) *Lúa vè vè* : lúa ngậm đòng.
- (13) *Cắt* : gặt. Bài ca dao nói về việc làm côm.
- (14) *Bần* : nghèo.
- (15) *Quân tử* : người có học hành, chữ nghĩa.
- (16) *Tạo hoá* : ông trời

ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

1. Đọc kỹ 2 văn bản và chú thích để hiểu các câu tục ngữ, ca dao.
2. Dựa vào phần ca dao đã học ở học kì 1 và tục ngữ đang học để phân loại theo các nội dung sau :

- a) Những câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động sản xuất, sản vật địa phương.
- b) Những câu tục ngữ về con người và xã hội
- c) Những câu hát về tình cảm gia đình.
- d) Những câu hát về tình yêu quê hương, cuộc sống.
- đ) Những câu hát than thân.
- e) Những câu hát châm biếm.

3. Chọn phân tích một số câu tục ngữ trong văn bản 1.

4. Phát biểu cảm nhận của em về một bài ca dao mà em cho là hay.

5. Giáo viên nói về cách thức và yêu cầu sưu tầm tục ngữ, ca dao địa phương (cá nhân hoặc theo nhóm, tổ) để chuẩn bị cho bài học về thơ ca dân gian địa phương.

BÀI TẬP VỀ NHÀ

1. Sưu tầm tục ngữ, ca dao, dân ca địa phương theo hướng dẫn và yêu cầu GV đề ra.

2. Chuẩn bị cá nhân (hoặc nhóm, tổ) để trình bày trong 2 tiết học theo nội dung sau :

- Trên cứ liệu sưu tầm và ở hai bản bản do tài liệu cung cấp, so sánh với ca dao, dân ca, tục ngữ sách giáo khoa giới thiệu, HV nhận xét, cảm nhận gì về ca dao, dân ca, tục ngữ Thanh Hoá ?

- Đồng chí rút ra kinh nghiệm gì khi sưu tầm ca dao, dân ca, tục ngữ địa phương ?

Bài 7 (2 tiết)

TRÌNH BÀY, THẢO LUẬN, TỔNG KẾT VỀ CA DAO - DÂN CA - TỤC NGỮ ĐỊA PHƯƠNG

MỤC TIÊU

Giúp học viên:

- Sưu tầm ca dao, dân ca, tục ngữ đạt kết quả tốt.
- Qua sưu tầm và văn bản giới thiệu, HV trình bày, thảo luận về ca dao, dân ca, tục ngữ địa phương đã được chuẩn bị trước ở nhà. Qua đây nâng cao sự hiểu biết, lòng tự hào, tình yêu quê hương ; nắm cơ bản cách thức sưu tầm VHDG.

- Giáo viên đánh giá chất lượng bài tập sưu tầm, hiểu biết của HV và tổng kết những nét chính yếu về tục ngữ, ca dao, dân ca Thanh Hoá.

HƯỚNG DẪN DẠY - HỌC

1. a) Giáo viên tổ chức cho học viên đánh giá lẫn nhau kết quả sưu tầm tục ngữ, ca dao, dân ca địa phương của cá nhân hoặc nhóm, tổ. Yêu cầu đánh giá :

- *Số lượng* : tổng số đơn vị (câu, bài) sưu tầm và xếp theo phân loại đã học.

- *Chất lượng* : + Số câu sưu tầm mới trong nhân dân + Số câu chép lại từ sách, báo + Số câu không phải là tục ngữ, ca dao, dân ca nói chung và Thanh Hoá nói riêng.

- *Xếp loại chung* : + **Tốt** : - Số lượng phong phú (30 câu trở lên) - Có một số câu sưu tầm mới trong nhân dân địa phương (thôn, xóm, xã) - Không bị lẫn thơ, tục ngữ, ca dao, dân ca ngoài Thanh Hoá - Không “chép” của nhóm / cá nhân khác.

+ **Đạt** : Số lượng dưới 30 câu - Không có sưu tầm mới - Chỉ nhầm lẫn nhiều nhất 2 câu, bài - Không “chép” của nhóm / cá nhân khác.

+ **Chưa đạt** : còn lại.

b) GV nhận xét về các đánh giá, kĩ năng sưu tầm và xếp loại chính thức.

2. HV trình bày bài viết về tục ngữ, ca dao, dân ca đã được chuẩn bị. HV nhận xét.

3. GV nhận xét, đánh giá.

4. GV tổng kết những nét chính yếu về tục ngữ, ca dao, dân ca Thanh Hoá.

Bài 8 (2 tiết)

SỬA LỖI CHÍNH TẢ

DO ẢNH HƯỞNG CỦA CÁCH PHÁT ÂM TIẾNG ĐỊA PHƯƠNG

MỤC TIÊU

Giúp học viên:

- Tiếp tục làm các dạng bài tập khắc phục những lỗi chính tả do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.

- Có thói quen cẩn thận trước khi nói và viết những từ ngữ dễ sai do cách phát âm Thanh Hoá tạo ra. Có ý thức viết đúng chính tả và phát âm chuẩn.

I- BÀI TẬP

1. Chép lại đoạn văn sau khi đã chữa các lỗi chính tả:

Ở trên sân khấu, thầy giáo già trông thước lạng lẽ nhìn tất cả các học sinh thân yêu của thầy. Thầy đứng nghiêng nghiêng và chúng tôi thấy mái đầu bạc của thầy hơi dung dung trong một niềm xúc động sâu sắc. Thầy đã quá già, gầy và yếu. Lòng tôi xót xa vì thấy rằng qua bao nhiêu năm tháng, thầy đã mất bao sức nức để lo lắng cho tương lai của các thế hệ học trò, lẽ gia thầy phải được yên tâm, hoàn toàn yên tâm... thế mà chúng tôi, tôi vẫn còn làm thầy phải lo lắng chưa nguôi.

(Theo Đặng Ai, Nhà hàng hải)

2. Điền vào chỗ trống:

a) Điền thanh **hỏi** hoặc **ngã** vào chữ *in đậm* ; điền vào chỗ để trống **s** hoặc **x** ; **r**, **gi** hoặc **d** ; **tr** hoặc **ch** trong bài thơ sau :

KÍNH TẶNG MẸ

Mã Giang Lô

Cả một đờiông vớiuộng đồng

Tám mươi **tuôi** mẹ về với đất

Vân tấm áo nâu quen thuộc

Mẹa đi.

Mẹ **chăng**ăn lại điều gì

Mọi đau **khô** lo toan mẹ đem theo **ca**

.....uốt một đời **vất va**

Mẹ nhận phần mình một nắm mồ hôi.

Mẹa điất nhẹ

Tội cho con khiở về nhà

Không gặp mẹ chỉ biết đến bên mồ, đứng lặng

.....ữa đồng chiều, nắng đang tắt nơi xa...

b) Điền vào chỗ trống **au** hoặc **âu** ; **i** hoặc **iê** :

A- m.....sắc ; phép m.....

B- m.....mỡ ; màn ảnh m.....

C- nh.....nát ; c.....được, ước thấy.

- D- đất lành chim đậu.....
 Đ- Lúa chín.....mấp ló đầu bờ,
 Hễ nghe tiếng.....sấm phát còi mà lên.
 E- Đẹp như tiên.....
 G- Con cháu.....non.

c) Điền vào chỗ trống **ui** hoặc **uôi** :

- A- m.....thơm ; m.....dưa.
 B- t.....tác ; t.....xách.
 C- lau ch..... ; ch.....dao

d) Điền vào chỗ trống **uôt** hoặc **uộc** :

- A- cày sâu c.....bẫm ; máu chảy r.....mềm ; ướt như ch.....lột.
 B- nhem nh.....; bắt b.....; thân th.....
 C- lạnh b.....; v.....ve ; sáng s.....; lem l.....

đ) Điền vào chỗ trống **s** hoặc **x** :

-um.....uê ;aouýn ;uýtoa ;ì.....ụp.
ền.....ệt ;ay.....ura ;an.....ẻ ;ột.....oạt.
ừng.....ững ;iên.....ọ ;em.....ét ; bép.....ép.

3. Tìm từ phù hợp.

a) Tìm từ chứa *tiếng* bắt đầu bằng **ch** hoặc **tr** :

- A- Từ có nghĩa là cần mẫn, siêng năng :.....
 B- Từ trái nghĩa với từ *đục* (bị nhiều cặn bẩn) :.....
 C- Đồ dùng may, dệt thành tấm để đắp, phủ lên :.....
 D- Đưa trâu, bò đi ăn cỏ :.....
 Đ- Áp sát bụng xuống đất, đẩy mình về phía trước :.....

b) Tìm từ chứa tiếng bắt đầu bằng **d, g** hoặc **r** :

- A- Từ chỉ lớp mô bọc ngoài cơ thể người và một số động vật :.....
 B- Từ trái nghĩa với *ngắn* :.....
 C- Thầy dạy riêng cho trẻ em trong một gia đình :.....
 D- Làm chín thức ăn bằng cách đảo đi đảo lại trong chảo nóng :.....
 Đ- Từ chỉ sự nhàn nhã, không bận việc gì :.....

c) Tìm từ chứa tiếng bắt đầu bằng **s** hoặc **x** :

- A- Từ trái nghĩa với **đúng** :.....

- B- Chỉ việc cắt, tách ra từng miếng :.....
- C- Vật bằng cao su, lắp bên trong lớp các loại xe :.....
- D- Một loại cây lương thực, thân thẳng, có đốt :.....
- Đ- Gắn ngang bằng nhau, chênh lệch không đáng kể :.....

4. Chọn từ / tiếng cho sau để điền vào chỗ trống.

a) Chọn *che, tre, chí, trí, chiêu* hay *triều* ?

- A- Dùng nan.....đan rèm.....năng thì rất tốt.
- B- Anh ta vừa có.....tuệ hơn người, vừa có ý.....phần đấu cao.
- C- Cứ đến buổi.....nước thủy.....lại dâng lên.

b) Chọn *bổng, bỗng, mái, mãi, kĩ* hay *kĩ* ?

- A- Bên tai tôivang lên tiếng hát trầm.....
- B-chơi, thằng bé.....không chịu về nhà.
- C- Bác Ba vừa có.....thuật cao, vừa giữ rất nghiêm.....luật lao động.

c) Chọn *dì, gì, rì rằm, dì dằm, dành* hay *giành*?

- A- Câythẳng tắp trước nhà,
Trái ngon.....tặng riêng bà, bà ơi ?
- B- Hoa.....khi nở trên cành
Già chui xuống đất để.....nuôi ta ?
- C- Đêm đêm.....trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về. (Nguyễn Đình Thi)

II- LUYỆN TẬP

1. Điền vào chỗ trống *chưa* hoặc *trưa* ; *chuyện* hoặc *truyện*:

- a) Bạn đã ăn cơm.....xong?
- b) Ăn.....xong bữa....., tôi đã nghe tiếng Bình gọi giữa.....hè nắng gắt.
- c) Câutôi kể sau đây là.....dân gian Việt Nam.
- d) Tôi kể ngày xưa.....Mị Châu
Trái tim làm chỗ để trên đầu (Tố Hữu)

2. Tìm từ thích hợp bắt đầu bằng **ch** hoặc **tr** điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh truyện cười sau :

YÊN TÂM ĐI

Năm điều.....đã nửa tháng, nhưng bệnh tình vẫn không hề thuyên giảm nênlòng bệnh nhân nọ rất lo lắng. Một hôm ông hỏi bác sĩ :

- Bác sĩ có.....là tôi bị viêm phổi không ?

- Ông này hỏi lạ ! Tôi là bác sĩ hay anh là bác sĩ ?

- Hỏi vậy, vì tôi nghe ở đây mới xảy ra.....hợp bệnh nhân được điều.....bệnh phổi nhưng lại.....vì đau dạ dày.

- Yên tâm đi ! Tôi khác, bệnh nhân tôi điều.....bệnh phổi thì.....nhất định cũng do bệnh phổi.

3. Chữa lỗi chính tả trong đoạn văn sau :

Nhà Bình tát ao. Da giáng ông chủ, câu ta đứng phờng bụng chên bờ. Thanh tháp người nên có dướng cổ qua vai Bình để sem mọi người bắt cá. Dưới ao, Trung lượng đi, lượng lại khiến bùn bắn tung toé. Còn Hà thở giải thường thược mỗi khi cá luôn qua kẽ tay chạy mát. Những lúc như thế, Trung lại kêu to : “Kém quá ! Kém quá !”. Hà đổ cẩu : “Này, đừng có lượng ngắn lại chê trạch dài !”. Nga bương bã từ trong vường cây ăn quả chạy gia, nghe câu được, câu mát, hét to : “Luong, trạch chi cũng bắt tất !”, làm cả bọn cười ồ lên.

Bài 9 (3 tiết)

TÌM HIỂU TỪ NGỮ

CHỈ QUAN HỆ THÂN THÍCH TRONG PHƯƠNG NGỮ THANH HOÁ

MỤC TIÊU

Giúp học viên:

- Hoàn thành được bảng đối chiếu từ ngữ toàn dân và từ ngữ chỉ quan hệ thân thích của Thanh Hoá và một số tỉnh khác.

- Sưu tầm được một số thơ văn sử dụng từ ngữ chỉ quan hệ thân thích của địa phương.

- Có ý thức sử dụng đúng lúc, đúng chỗ lớp từ này để tăng hiệu quả biểu đạt.

I- TỪ NGỮ CHỈ QUAN HỆ THÂN THÍCH TRONG PHƯƠNG NGỮ THANH HOÁ

1. Hoàn thành bảng đối chiếu sau :

Số TT	Từ ngữ toàn dân	Từ ngữ được dùng ở Thanh Hoá	Từ ngữ được dùng ở địa phương khác
1	<i>cha</i>		
2	<i>mẹ</i>		
3	<i>ông nội</i>		
4	<i>bà nội</i>		
5	<i>ông ngoại</i>		
6	<i>bà ngoại</i>		
7	<i>cụ</i> (bố, mẹ của ông, bà)		
8	<i>bác</i> (anh trai cha)		
9	<i>bác</i> (vợ anh trai cha)		
10	<i>chú</i> (em trai cha)		
11	<i>thím</i> (vợ chú)		
12	<i>bác</i> (chị gái cha)		
13	<i>bác</i> (chồng chị gái cha)		
14	<i>cô</i> (em gái cha)		
15	<i>chú</i> (chồng em gái cha)		
16	<i>bác</i> (anh trai mẹ)		
17	<i>bác</i> (vợ anh trai mẹ)		
18	<i>cậu</i> (em trai mẹ)		
19	<i>mợ</i> (vợ em trai mẹ)		
20	<i>bác</i> (chị gái mẹ)		
21	<i>bác</i> (chồng chị gái mẹ)		
22	<i>dì</i> (em gái mẹ)		
23	<i>chú</i> (chồng em của mẹ)		
24	<i>anh trai</i>		
25	<i>chị dâu</i> (vợ anh trai)		
26	<i>em trai</i>		
27	<i>em dâu</i> (vợ em trai)		
28	<i>chị gái</i>		
29	<i>anh rể</i> (chồng chị gái)		

30	<i>em gái</i>		
31	<i>em rể</i> (chồng em gái)		
32	<i>con</i>		
33	<i>con dâu</i> (vợ con trai)		
34	<i>con rể</i> (chồng con gái)		
35	<i>cháu</i> (con của con)		

2. Trong các từ ngữ chỉ quan hệ thân thích ở bảng trên, hãy cho biết :

- Từ ngữ nào là từ chỉ dùng ở Thanh Hoá ?
- Từ ngữ nào là từ thường dùng ở Thanh Hoá nhưng các vùng miền khác cũng hay dùng ?
- Từ ngữ nào chỉ dùng ở những vùng miền khác ?
- Hãy rút ra nhận xét về lớp từ ngữ chỉ quan hệ thân thích ở phương ngữ Thanh Hoá ?

II- BÀI TẬP

1. “*Cả nhà thi nhau khen ngợi rồi bắt Thành phát biểu cảm tưởng. Cậu chàng lúng túng : “Thầy u dầy già làm con cảm động quá...”*” (Bài làm học sinh)

Trong cách diễn đạt trên, do dùng từ địa phương Thanh Hoá nên làm người nơi khác có thể không hiểu ý muốn nói. Hãy làm sáng tỏ nhận xét này.

2. a) *Chú tôi hay tửu hay tằm*

Hay nước chè đặc hay nằm ngủ trưa (Ca dao)

b) *Thấy rét u tôi ủ lại mền*

Cô hàng bán rượu ủ thêm men (Nguyễn Bính)

c) *Văn chương nào phải là đơn thuốc*

Chớ có khuyên xằng chết bỏ bu ! (Trần Tế Xương)

d) *Thưa rằng bác mẹ em răn :*

Làm thân con gái chớ ăn trâu người. (ca dao)

d) *Mấy lại rằm tháng tám này là giỗ đầu cậu mà, nếu mợ mà không về sẽ làm tủi vong linh cậu mà,...*(Nguyễn Hồng)

e) *Rõ ràng đôi mắt ông như muốn hỏi : “Sao, tí mở đầu như vậy con nghe có được không ?”* (Đoàn Giỏi)

g) *Con nhớ mẹ ! Lửa hồng soi tóc bạc*

Năm con đau, mẹ thức một mùa dài (Chế Lan Viên)

h) *Anh dắt em vào cõi Bác xưa*

Đường xoài hoa trắng nắng đu đưa

Có hồ nước lặng soi tâm cá

Có bưởi cam thơm, mát bóng dừa.(Tố Hữu)

i) *Cơm mà nhão, má cháu về thế nào cũng bị đòn. Sao cháu không gọi ba cháu. Cháu nói một tiếng “ba” không được sao ?* (Nguyễn Quang Sáng)

Giải thích các từ chỉ quan hệ thân thích trong các ví dụ trên, nói rõ đâu là lớp từ cổ, từ ngữ toàn dân, phương ngữ (Bắc-Trung-Nam).

3.

Ai về thăm mẹ quê ta

Chiều nay có đũa con xa nhớ thăm

Bầm ơi có rét không bầm

Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn.

Trong đoạn thơ trên, tại sao đầu tiên Tố Hữu dùng **mẹ**, sau đó lại dùng **bầm** ?

Bài 10 (3 tiết)

TÌM HIỂU TÁC GIẢ, TÁC PHẨM VĂN HỌC Ở THANH HÓA VÀ VIẾT VỀ THANH HÓA TRƯỚC NĂM 1975

MỤC TIÊU

Giúp học viên:

- Có ý thức tìm hiểu và nắm được khái quát tác giả, tác phẩm văn học ở Thanh Hóa; các tác phẩm văn học nổi tiếng của tác giả địa phương khác viết về Thanh Hóa trước 1975.

- Hiểu và cảm được bài thơ *Bầu trời vuông*. Nắm được tinh thần cơ bản của 2 bài thơ đọc thêm: *Trả lời người phương Bắc hỏi về phong tục An Nam* và *Đề gươm*.

- Sưu tầm được một số tác phẩm văn học của tác giả Thanh Hoá, tác giả tỉnh ngoài viết về Thanh Hoá. Hoàn thành bảng tổng hợp về tác giả, tác phẩm văn học Thanh Hóa trước năm 1975.

VĂN BẢN

BẦU TRỜI VUÔNG

Thắng rồi - trận đánh thọc sâu
lại về với mái tấng - bầu trời vuông
sục sôi bom lửa chiến trường
tâm tư yên tĩnh vẫn vuông một vùng

Khoái nào bằng phút ngả lưng
mở trang thư dưới bóng rừng đung đưa
trời tròn còn lúc rơi mưa
trời vuông vuông suốt bốn mùa nắng xanh
mặt trời là trái tim anh
mặt trăng vành vạnh là tình của em

Thức là ngày, ngủ là đêm
nghiêng nghiêng hai mái - hai miền quê xa
ở đây là tấm lòng ta
sông dài núi rộng cũng là ở đây

Vuông vuông chỉ một chút này...
mà che tròn vẹn ngàn ngày quân đi.

Quảng Trị 1971

(Nguyễn Duy^(*), *Cát trắng*, NXB Quân đội nhân dân, 1974)

Chú thích

(*) *Nguyễn Duy*, tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ, sinh năm 1948, tại phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hoá. Hiện sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh. Tốt nghiệp đại học Ngữ văn. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Năm 1965, Nguyễn Duy làm tiểu đội trưởng dân quân trực chiến khu vực Hàm Rồng. Năm 1966, nhập ngũ, là lính thông tin, tham gia chiến đấu tại các mặt trận phía Nam và phía Bắc. Từ 1976, ra quân, về làm báo *Văn nghệ giải phóng*. Từ năm 1977 đến 2008 là đại diện thường trú của tuần báo *Văn nghệ* tại các tỉnh phía Nam. Ông được Giải Nhất thơ tuần báo *Văn nghệ* (1973) ; Tặng thưởng loại A về thơ của Hội Nhà văn Việt Nam (1985).

Tác phẩm đã xuất bản : hơn 10 tập thơ như *Cát trắng* (1973), *Ánh trăng* (1987), *Mẹ và em* (1987), *Đường xa* (1989), *Về* (1994), *Thơ Nguyễn Duy* (2010),... Ngoài ra, Nguyễn Duy còn 3 tập bút kí, 1 tiểu thuyết.

Nguyễn Duy thuộc lớp nhà thơ kháng chiến chống Mĩ đã có những đóng góp không nhỏ cho nền thơ Việt Nam đương đại.

(1) *Tặng*: tấm vải bạt thường dùng trong quân đội để che mưa nắng.

ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

1. Phân tích khổ thơ thứ nhất để thấy sự thể hiện “giây phút giữa chiến trường và tâm trạng người chiến sĩ” của Nguyễn Duy. Sự thể hiện này nói với người đọc điều gì?

2. Cảm nhận về hình ảnh người chiến sĩ qua các khổ thơ hai và ba.

3. Phân tích khổ thơ cuối cùng.

4. Bài thơ là một trong những “Bài ca người lính”. “Bài ca” này muốn nói điều gì?

Ghi nhớ

Bằng thể thơ lục bát nhuần nhuyễn, giản dị, chi tiết chọn lọc, hình ảnh có giá trị biểu tượng cao, bài thơ đã thể hiện tâm trạng thanh thoi sau cuộc chiến đấu, chiến thắng kẻ thù. Qua đó bộc lộ tình cảm trong sáng, sâu nặng đối với tình yêu, với quê hương, đất nước và ý chí quyết tâm của người chiến sĩ trong cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc.

ĐỌC THÊM

ĐÁP BẮC NHÂN VẤN AN NAM PHONG TỤC
(Trả lời người phương Bắc hỏi về phong tục An Nam)

Phiên âm

*Dục vấn An Nam sự
An Nam phong tục thuần
Y quan Đường chế độ
Lễ nhạc Hán quân thân
Ngọc ủng khai tân tửu*

*Kim đao chước tế lân
Niên niên nhị tam nguyệt
Đào lí nhất ban xuân*

Dịch nghĩa

Muốn hỏi về chuyện nước An Nam ư ?
Nước An Nam phong tục vốn thuần hậu
Áo mũ không khác chế độ nhà Đường⁽¹⁾
Lễ nhạc tương tự vua quan nhà Hán⁽²⁾
Bình ngọc rót rượu mới cất ngát thơm
Dao vàng mổ cá ngon nhỏ vậy⁽³⁾
Hàng năm cứ độ tháng hai, tháng ba
Đào mận đều cùng xuân như nhau cả

Dịch thơ (bản dịch của Tuấn Nghi)

*An Nam muốn hỏi rõ
Phong tục vốn thuần lương
Lễ nhạc như Tiền Hán
Y quan giống Thịnh Đường
Dao vàng cá nhỏ vậy
Bình ngọc rượu lừng hương
Mỗi độ mùa xuân tới
Mận đào nở chặt vườn*

(Hồ Quý Ly^(*), theo *Thơ văn Lý Trần*, tập III, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978)

Chú thích

**Hồ Quý Ly* (1336 - ?) người hương Đại Lại (nay thuộc Hà Trung). Thời nhà Trần suy vi, ông làm đảo chính cung đình để lập nên nhà Hồ (1400 - 1407). Hồ Quý Ly là người có đầu óc cải cách. Khi lên ngôi, ông đã thi hành một số chính sách tiên bộ, bị tầng lớp quý tộc phản ứng. Nhà Minh nhân cơ hội này đem quân xâm lược, ông đã lãnh đạo kháng chiến chống lại rất kiên cường nhưng thất bại. Hồ Quý Ly

và các con cùng một số cận thần bị bắt sang Trung Quốc. Nước ta bị giặc Minh đô hộ trong vòng 20 năm (1407 - 1427).

Trong cuộc đời cầm quyền tối cao ngắn ngủi của mình, Hồ Quý Ly đã thực thi một số cải cách kinh tế xã hội quan trọng, chủ trương xây dựng nền học thuật mang tinh thần dân tộc cao độ. Ông công kích Nho giáo Trung Hoa: Cho sách *Luận ngữ* có một số chỗ đáng ngờ, đòi xét lại Khổng Tử ; xem Hàn Dũ là nhà nho "ăn trộm", Mạnh Tử, Trình Hiệu, Trình Di, Chu Hi đều là những kẻ học rộng nhưng tài kém, không chú ý đến thực tế, chuyên đánh cắp văn chương của người xưa. Ông đề cao chữ Nôm là "chữ của nước ta", sử dụng trong cả những lĩnh vực quan trọng như hành chính, giáo dục.

Tác phẩm văn học của Hồ Quý Ly, hiện chỉ còn lại 5 bài thơ chữ Hán. Thậm chí 30 bài thơ chữ Nôm, Nguyễn Trãi sưu tập được sau đại thắng quân Minh cũng bị thất lạc. Bài thơ thể hiện tinh thần tự hào dân tộc cao cả, tình cảm thấm thiết với đất nước, một cốt cách hào sảng.

(1), (2) *Hán, Đường* : Hai triều đại phong kiến ở Trung Quốc, có những thời kỳ phát triển huy hoàng.

(3) *Cá nhỏ vảy* : Chỉ một giống cá ngon, miệng lớn, vảy nhỏ vốn ở sông Tùng Giang (Trung Quốc).

Gợi ý : Bài thơ thể hiện lòng tự hào, tự tôn dân tộc mạnh mẽ và tình yêu đất nước sâu đậm.

ĐỀ KIỂM

Phiên âm

Lam sơn tự tích ngoại thần long
Thế sự huyền tri tại trường trung
Đại nhiệm hữu qui thiên khả thánh
Xương kì nhất ngộ hồ sinh phong
Quốc thù tẩy tận thiên niên sỉ
Kim quĩ chung tàng vạn thế công
Chinh đốn kiên khôn tòng thử liễu
Thế gian na cánh sở anh hùng.

Dịch nghĩa

Từ khi rồng thiêng còn nằm ở Lam Sơn⁽¹⁾

Việc đời biết trước rõ như ở trong lòng bàn tay
Trách nhiệm lớn lao được giao gánh vác, trời đã báo cho thánh nhân biết⁽²⁾
Gặp thời cơ tốt, hổ sinh ra gió⁽³⁾
Đã rửa sạch nỗi nhục nghìn năm của thù nước,
Cuối cùng đã cất giữ cái công muôn thuở trong rương vàng⁽⁴⁾
Từ nay việc chinh đồn đất trời đã xong⁽⁵⁾
Trên đời rút cuộc có được mấy người anh hùng như thế.

Dịch thơ (bản dịch của Hà Vũ)

Lam Sơn xưa chôn ẩn thần long
Thế sự lòng tay nắm ở trong
Việc lớn chọn người trời báo trước
Gặp thời mãnh hổ tạo cuồng phong
Nghìn năm nhục nước nay đã sạch
Muôn thuở rương vàng giữ quốc công
Chinh đồn đất trời xong mọi nhẽ
Thế gian như thế mấy anh hùng!

(Nguyễn Trãi ^(*), theo *Văn học Thanh Hoá*, Sở GDĐT Thanh Hoá, 1990)

Chú thích

(*) Về tác giả Nguyễn Trãi : xem lại chú thích (*) ở Ngữ văn 7, tập một, tr. 79.

(1) *Lam Sơn* : nay thuộc xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, quê hương Lê Lợi.

(2) Câu này nhắc lại việc trời trao cho Lê Lợi gươm *Thuận Thiên* (Thuận theo ý trời) để ông dẹp quân đô hộ nhà Minh và làm vua nước Nam.

(3) Câu này lấy ý thành ngữ cổ “Vân tung long, phong tung hổ” (Mây theo rồng, gió theo hổ) để chỉ người tạo ra được sức mạnh lớn lao.

(4) *Rương vàng* : chữ Hán là *kim quỹ*, nơi cất giữ sử sách, chiến công để lưu đến muôn đời.

(4) *Càn khôn* : Trời đất, thiên hạ (đây chỉ đất nước và muôn dân)

Gợi ý : Bài thơ là sự đánh giá, ca ngợi của một anh hùng (tác giả) đối với một anh hùng. Qua bài thơ đồng chí thấy hình ảnh anh hùng Lê Lợi hiện lên như thế nào và cho đồng chí cảm tưởng gì về quê hương Thanh Hoá?

BÀI TẬP

1. Lựa chọn các dữ kiện cho sau đây để hoàn thành *Bảng thống kê tác giả văn học Thanh Hoá trước năm 1975* (xếp theo năm sinh theo mẫu ở cuối câu hỏi).

- **Họ tên** : Nguyễn Mộng Tuân, Ngô Chân Lưu, Đào Duy Từ, Nhữ Bá Sĩ, Nguyễn Hữu Loan, Nguyễn Đức Hiền, Nguyễn Thường Khanh, Nguyễn Minh Hiệu, Lê Văn Sửu, Nguyễn Duy Nhuệ, Hà Triệu Anh, Nguyễn Văn Vượng, Lê Gia Hợp, Nguyễn Bao, Nguyễn Xuân Phê, Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Biểu, Trần Văn Tấn. Lê Hữu Kiều, Ngô Xuân Sách, Nguyễn Tiến Tới, Đỗ Minh Phong, Phạm Văn Túc, Mai Ngọc Thanh, Trịnh Thanh Sơn, Lê Văn Sen, Hà Minh Đức, Lê Văn Lân.

- **Bút danh** : Đạm Trai, Cúc Pha, Khuông Việt đại sư, Hồ Dếnh, Trần Mai Ninh, Nguyễn Duy, Nam Mộc, Thôi Hữu, Hồng Nguyên, Nguyễn Thế Phương, Triệu Bôn, Minh Hiệu, Định Hải, Hữu Loan, Văn Tâm, Xuân Sách, Anh Chi, Vương Anh, Văn Đắc, Mã Giang Lân, Đặng Ái, Cầm Giang (Cầm Vĩnh Ui).

- **Quê quán, năm sinh (năm mất)** : Đông Sơn - (nửa cuối TKXIV đầu TK XV) ; Đông Sơn - (1938-2003) ; Hà Trung - (1930-1989) ; Hoằng Hoá - (1788-1867) ; Hoằng Hoá - (1919-1950) ; Hoằng Hoá - (1915-1989) ; Hoằng Hoá - (1929-2006) ; Hoằng Hoá (1930 - 1989) ; Nga Sơn - (1916-2010) ; Nga Sơn - (1948-2007) ; Ngọc Lạc - (1944) ; Nông Cống - (1932-2005) ; Nông Cống - (1924-1999) ; Quảng Xương - (1916-1991) ; Quảng Xương - (1933) ; Sầm Sơn - (1942) ; TP Thanh Hoá - (1917-1947) ; TP Thanh Hoá - (1948) ; TP Thanh Hoá - (1924-1952) ; TP Thanh Hoá - (1933-2004) ; TP Thanh Hoá - (1948) ; TP Thanh Hoá - (1947) ; TP Thanh Hoá - (1941) ; Tĩnh Gia - (1572-1634) ; Tĩnh Gia - (933-1011) ; Vĩnh Lộc (1935) ; Yên Định - (1932) ; Yên Định - (1937).

- **Tác phẩm chính** : + *Thơ, văn chữ Hán* : Chàng Vương trở về ; Ngọa Long Cương văn, Tư Dung văn ; Cúc Pha thi tập ; Đạm Trai thi văn tập, Việt sử tam bách vịnh.

+ *Bài thơ nổi tiếng* : Màu tím hoa sim, Đèo Cả, Hoa lúa ; Nhớ máu, Tình sông núi ; Lên Cầm Sơn ; Nhớ ; Nhớ vợ, Núi Mường Hung, dòng sông Mã, Em tắm.

+ *Tập thơ* : Những chiếc cầu ; Quê ngoại ; Cát trắng ; Tôi yêu ; Bình minh và tiếng súng ; Hai triền sông ; Đôi cánh ; Chồng nụ chồng hoa ; Hương vườn mẹ, Con mắt thức ; Trăng mắc võng.

+ *Trường ca, truyện thơ* : Hoa đỏ Trường Sơn ; Sao chớp núi.

+ *Tập truyện ngắn* : Chân trời cũ(tập truyện) ; Mầm sống ; Đỉnh Ngọc, Bức tranh đẹp ; Đêm sao sáng.

+ *Tiểu thuyết, truyện dài* : Đi bước nữa, Nắng ; Rừng lá đỏ ; Đội du kích thiếu niên Đình Bảng, Mặt trời quê hương ; Nhụy Kiều tướng quân, Sao Khuê lấp lánh.

+ *Nghiên cứu-lí luận* : Vũ Trọng Phụng nhà văn hiện thực, Tản Đà khối mâu thuẫn lớn ; Nam Cao nhà văn hiện thực xuất sắc ; Nhà văn và tác phẩm, Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại ; Noi theo đường lối văn nghệ của Đảng

Bảng kê tác giả văn học ở Thanh Hoá trước 1975 (mẫu)

TT	Họ và tên (? - ?)	Bút danh	Quê quán	Tác phẩm chính

2. Qua bảng thống kê trên, đồng chí hãy rút ra nhận xét gì về đội ngũ tác giả văn học của tỉnh ta và sáng tác của họ ? (Hình thành và trải qua các thời kì nào ? Đông đảo hay không đáng kể ? Các thể loại sáng tác, số lượng tác phẩm ?).

Gợi ý : Giáo viên nên phân công học viên theo nhóm và hoàn thành bài tập này trong thời gian tập huấn, sau đó tổ chức để trình bày, trao đổi, đánh giá.

Bài 11 (1 tiết)

HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI GIỚI THIỆU VỀ MỘT DI TÍCH HOẶC THẮNG CẢNH Ở THANH HOÁ

MỤC TIÊU

Giúp học viên:

- Nắm lại yêu cầu và cách thức giới thiệu một di tích hoặc danh lam thắng cảnh.

- Biết vận dụng để giới thiệu thắng tích ở địa phương.

I- ÔN TẬP LÝ THUYẾT

1. Để viết một bài giới thiệu di tích, thắng cảnh của địa phương đồng chí đã chuẩn bị những gì ?

2. Bố cục bài giới thiệu của đồng chí như thế nào ?

3. Bài giới thiệu cần có lời văn ra sao ?

II- LUYỆN TẬP

1. Hãy đặt tiêu đề, sắp xếp lại các tư liệu để có bố cục hợp lí cho bài giới thiệu thắng cảnh sau đây.

a) Bến En là khu bảo tồn thiên nhiên được xếp vào loại đẹp nhất trong 10 vườn quốc gia của nước ta, một địa điểm nghiên cứu về sinh thái lí tưởng. Nơi đây cũng là điểm du lịch nổi tiếng ở Thanh Hoá.

b) Vườn quốc gia Bến En cách Thành phố Thanh Hoá 36 km về phía tây nam, thuộc hai huyện Như Thanh và Như Xuân.

c) Theo giới chuyên môn, rừng ở đây có nhiều kiểu, hệ thực vật phong phú, với 125 bộ, 462 loài mang đặc trưng cả hai miền Bắc-Nam như lim, lát, chò chỉ, sến, dổi, bù hương,... Có những cây lim mấy trăm năm tuổi, cao gần 50 m, mấy người ôm không xuể. Còn có nhiều cây nguyên liệu thủ công, cây cho dầu (song, mây, trâu, hương bài,...). Có tới hơn 300 loại cây làm thuốc cùng một “rừng” lan, hoa nở quanh năm. Vừa qua, tại đây các nhà khoa học đã phát hiện thêm 3 loại thực vật mới bổ sung vào danh mục thực vật của Việt Nam và thế giới, được đặt tên là xâm cánh Bến En, găng Bến En, sang máu Bến En.

d) Bến En có tổng diện tích 16.634 ha gồm núi rừng, hang động đá vôi, 4 con suối, 2 con sông, 2 hồ nối tiếp nhau rộng gần 4000 ha, 121 bán đảo và đảo lớn nhỏ.

đ) Động vật ở vườn quốc gia Bến En cũng rất đa dạng, gồm: 300 loài côn trùng, riêng bướm đã có 88 loài, có loài chưa từng biết đến ở nước ta; 62 loài thú : hổ, voi, gấu, sói đỏ, vượn, khỉ,...; 162 loài chim. Ngoài ra còn nhiều loại thủy sản.

e) Đến Bến En, du khách có thể làm một cuộc du ngoạn sông nước qua các đảo, câu cá, bắt cua đá. Hoặc vui thú núi rừng vài ba ngày, nghe chim kêu, vượn hót, ngắm hoa lan, leo núi thăm các hang động mà riêng các dáng hình thạch nhũ đã khiến bạn say mê.

g) Đây là nơi sinh sống của các dân tộc Kinh, Thái, Thổ, Mường, 4 trong số 7 dân tộc ở Thanh Hoá. Ai đến cũng có thể vào thăm nhà sàn, uống rượu cần, hát múa và thưởng thức hai món đặc sản là canh đắng và nhất là cá mè sông Mực, chỉ có ở nơi đây. Cá Mực là loại cá tự nhiên, thịt trắng, thơm, mỡ rất dày, có con nặng tới chục cân mà từ xa xưa dân gian đã truyền ngôn : “Cá mè sông Mực chắm với nước mắm Do Xuyên / Chết xuống âm phủ còn muốn trở viên (về) mút xương”.

h) Từ Bến En, du khách có thể đến thăm Phủ Na, Phủ Sung, đền Khe Ròng là những di tích nổi tiếng.

2. Có thể so sánh Vườn quốc gia Bến En với di sản thiên nhiên nổi tiếng nào của nước ta. Theo cách so sánh này, đồng chí hãy đặt thêm tiêu đề phụ cho *Vườn quốc gia Bến En*. Đồng chí đưa nội dung so sánh này vào phần nào của bài giới thiệu.

3. Chọn một ý giới thiệu *Vườn quốc gia Bến En* ở trên viết thành đoạn văn.

III- BÀI TẬP

Viết bài giới thiệu một di tích hoặc thắng cảnh ở địa phương.

Bài 12 (1 tiết)

LỰA CHỌN, TÌM HIỂU, VIẾT VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG HAY KHÍA CẠNH ĐỜI SỐNG Ở ĐỊA PHƯƠNG

MỤC TIÊU

Giúp học viên:

- Nắm lại những vấn đề cơ bản của văn bản nhật dụng .
- Biết cách lựa chọn, tìm hiểu một hiện tượng hay một vài khía cạnh của các vấn đề của văn bản nhật dụng.
- Biết cách trình bày hiện tượng, khía cạnh đời sống ở địa phương đã tìm hiểu bằng văn bản.
- Giáo dục tinh thần trách nhiệm, sự quan tâm đúng đắn đến đời sống xung quanh.

I- ÔN TẬP LÝ THUYẾT

1. Thống kê lại các văn bản nhật dụng và cho biết đó là những vấn đề gì ?
2. Hãy nêu các biểu hiện của một trong những vấn đề này ở địa phương đồng chí.
3. Ngoài những vấn đề đã nói tới, đồng chí thấy còn cần quan tâm đến khía cạnh, hiện tượng đời sống nào đang diễn ra xung quanh ?
4. Hãy trình bày khía cạnh, hiện tượng đời sống tìm hiểu được ở địa phương bằng kiểu văn bản nào ? Phương thức biểu đạt nào ? Bố cục nên như thế nào ?

II- LUYỆN TẬP

1. Trình bày văn bản cá nhân hoặc tổ, nhóm đã chuẩn bị. Đánh giá, nhận xét.
2. Sử dụng dẫn liệu kết hợp với trả lời câu hỏi nêu ra sau đây, hãy viết bài về “ rác ni lông”.

a) *Dẫn liệu* :

+ Rác thải là tất cả những thứ con người không sử dụng, vứt bỏ ra môi trường. Nó là anh em sinh đôi với con người và cuộc sống. Rác thải làm cho môi trường sống bẩn thỉu, hôi hám, ô nhiễm. Rác thải, chia làm ba loại : sinh hoạt, công nghiệp và y tế.

+ Nước ta mỗi ngày thải ra khoảng 50 nghìn tấn rác, trong đó có 22. 220 tấn rác thải sinh hoạt.

+ Xã hội càng phát triển, dân số càng tăng nhanh, rác thải sẽ càng nhiều.

+ Trong loại rác thải sinh hoạt không phân huỷ được, nguy hiểm nhất là rác ni lông.

+ Năm 1983, rùa biển nhiều nước chết. Tìm hiểu, là do nuốt phải túi ni lông mà chúng nhầm là sứa. Nước Anh có con rùa 9 tạ, nước Mĩ một chú cá voi chết vì túi ni lông làm tắc ruột.

+ Các nhà khoa học ước tính mỗi năm có khoảng 100.000 động vật biển chết do túi ni lông gây ra.

+ Một số loại túi ni lông còn chứa chất độc, hại não và gây ung thư phổi. Tiêu huỷ ni lông bằng cách đốt, có thể sinh ra chất đi-ô-xin rất độc.

+ Các sản phẩm từ nhựa, khi mới làm ra, người ta gọi là cuộc “cách mạng màu trắng”. Bây giờ được coi là “thảm họa màu trắng”.

b) *Trả lời câu hỏi :*

+ Rác thải ni lông gây tác hại như thế nào đến môi trường đất và nước

+ Bản thân đồng chí và mọi người xung quanh đối với rác ni lông như thế nào?

+ Đồng chí có đề xuất gì và góp phần như thế nào để hạn chế rác ni lông ?

III- BÀI TẬP

Giới thiệu một hoạt động hoặc tấm gương bảo vệ môi trường mà đồng chí quan tâm.

Bài 13 (1 tiết)

TÌM HIỂU VIỆC DÙNG TỪ NGỮ XUNG HÔ Ở THANH HOÁ

MỤC TIÊU

Giúp học viên:

- Nắm được cơ bản cách xưng hô, từ xưng hô ở các địa phương khác và từ xưng hô ở Thanh Hoá nói riêng.

- Thấy vai trò, ý nghĩa và biết sử dụng từ xưng hô địa phương trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

I- TỪ NGỮ XUNG HÔ TRONG PHƯƠNG NGỮ THANH HOÁ

1. Điền từ xưng hô thích hợp để hoàn thành bảng sau :

Số TT	Cách xưng hô	Từ xưng hô được dùng toàn dân	Từ xưng hô mang tính địa phương
-------	--------------	-------------------------------	---------------------------------

1	với <i>cha</i>		
2	với <i>mẹ</i>		
3	với <i>ông nội</i>		
4	với <i>bà nội</i>		
5	với <i>ông ngoại</i>		
6	với <i>bà ngoại</i>		
7	với anh trai của cha		
8	với vợ anh trai của cha		
9	với em trai của cha		
10	với <i>thím</i> vợ của chú		
11	với chị gái của cha		
12	với chồng chị gái của cha		
13	với em gái của cha		
14	với chồng em gái của cha		
15	với <i>anh trai của mẹ</i>		
16	với <i>vợ anh trai của mẹ</i>		
17	với <i>em trai của mẹ</i>		
18	với <i>vợ em trai của mẹ</i>		
19	với <i>chị gái của mẹ</i>		
20	với <i>chồng chị gái của mẹ</i>		
21	với <i>em gái của mẹ</i>		
22	với <i>chồng em gái của mẹ</i>		
23	với <i>anh trai</i>		
24	với <i>vợ của anh trai</i>		
25	với <i>chị gái</i>		
26	với <i>chồng của chị gái</i>		
27	với <i>em trai</i>		
28	với <i>em gái</i>		
29	với <i>con của anh hoặc chị cha mẹ</i>		
30	với <i>con của em cha mẹ</i>		

31	với con của anh trai		
32	với con của chị gái		
33	với bạn cùng trang lứa		
34	với người lớn tuổi hơn mình		
35	với người lớn tuổi hơn cha mẹ		
36	với người nhỏ tuổi hơn cha mẹ		
37	với bậc cao niên		
38	với bậc già lão		

2. Lấp từ ngữ xưng hô trong đoạn thơ sau cho đồng chí cảm nhận điều gì ?

Gặp nhau cùng bất ngờ

Mi, tau, miệng rôi rít

Như hai thằng con nít

Thực mà y như mơ.

(Lê Bá Thự)

3. Dựa vào bảng so sánh lập được cùng kết quả trả lời câu 2, hãy cho biết :

- So với các từ ngữ chỉ quan hệ thân thích, lớp từ xưng hô có gì đặc biệt ?
- Nhận xét của em về lớp từ xưng hô ở Thanh Hoá.
- Tác dụng cũng như điều cần lưu ý khi dùng từ xưng hô địa phương.

II- LUYỆN TẬP

1. Đây là đoạn thơ viết về một nét sinh hoạt của bộ đội Cụ Hồ thời đầu kháng chiến chống Pháp :

- *Đằng nó vợ chưa ?*

- *Đằng nó ?*

- *Tớ còn chờ độc lập*

Cả lũ cười vang bên ruộng bắp

Nhìn o thôn nữ cuối nương dâu. (Hồng Nguyên)

a) Hãy cho biết đâu là từ ngữ xưng hô địa phương mà tác giả đã sử dụng và nghĩa của nó.

b) Qua lớp từ này, có thể hình dung ra điều gì về tuổi tác, quan hệ, quê hương, nơi đóng quân (miền Bắc, Trung hay Nam) của họ ?

2. Cho một số ví dụ về từ xưng hô được dùng ở địa phương đồng chí và trong thơ, văn.

Bài 14 (3 tiết)

TÌM HIỂU TÁC GIẢ, TÁC PHẨM VĂN HỌC Ở THANH HOÁ, VIẾT VỀ THANH HOÁ SAU NĂM 1975

MỤC TIÊU

Giúp học viên:

- Củng cố ý thức tìm hiểu các tác giả văn học ở địa phương và các tác phẩm văn học viết về địa phương.

- Nắm khái quát tác giả, tác phẩm văn học Thanh Hoá từ năm 1975 đến nay.

- Hiểu và cảm được bài thơ *Dô tả đô tà*.

- Đọc, nắm cốt truyện, chủ đề truyện ngắn *Nhà hàng hải*.

- Suu tầm và đọc một số tác phẩm văn học của tác giả Thanh Hoá, tác giả tỉnh ngoài viết về Thanh Hoá.

VĂN BẢN

DÔ TẢ DÔ TÀ

Dô tả đô tà, sông Mã quê ta
Ngày nắng ngày mưa xanh bờ rau má
Múa thì đội đèn hát như trống vỗ
Ăn cơm bằng đèn đi cây sáng trắng

Chiều nhai rau má tôi học chữ Nôm
Hiểu tận tâm căn tiếng đá, tiếng đồng
Rạng đời vua Lê, tối đời chúa Trịnh
Trạng Quỳnh ngạo nghễ đi vào nhân gian

Một chiếc cầu sắt gánh ngàn tấn bom
Đô tả đô tà cầu ta vẫn vững
Mặt trời đỏ au như mặt trống đồng
Dòng nước uốn xanh hai bờ đá dựng

Đô tả đô tà ai đẩy giùm tôi
Thuyền tôi đang xuôi đừng ai đẩy ngược
Yêu thích nói đùa, ghét ưa nói thật
Răng, rứa, mô, tê cũng vào dân ca

Yêu nhau cửa biển cưới nhau trên ngàn
Lá lách lá lành thuyền sao lái vạy
Đô tả đô tà một đoạn đường sông
Sóng gió ngả nghiêng như triều như thác

Một cuộc đời sông bao đời thuyền nát
Mãi còn câu hát vỗ vào ánh trăng...

Sông Mã, thu 1995

(Mạnh Lê^(*), trong *Một cuộc đời sông*, NXB Văn học, 1997)

Chú thích

(*) *Mạnh Lê*, tên khai sinh Lê Văn Mạnh (1953-2008), người làng Trà Đông, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hoá. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Hội viên Hội Nhà báo Việt Nam, Hội viên Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam. Từng là giáo viên THPT Cẩm Thủy, cán bộ giảng dạy của Trạm Đại học Sư phạm vừa học vừa làm thuộc Sở GD&ĐT Thanh Hóa, Phó Chủ tịch Hội VHNT Thanh Hóa, Phó Tổng biên tập tạp chí Xứ Thanh.

Tác phẩm chính đã xuất bản, gồm các tập thơ : *Từ ai đến tôi* (1993), *Một cuộc đời sông* (1997), *Tôi và ai nữa* (2001). Trường ca : *Người đánh thức đất đai* (2006), *Lửa Hàm Rồng* (2007), *Đất nước thuở Hùng Vương* (2008)

- Giải thưởng thơ cuộc thi thơ tuần báo Văn nghệ - Hội Nhà văn Việt Nam, 1995.

- Giải thưởng Văn học Thanh Hoá 5 năm (1990 - 1995).

- Giải B, giải thưởng của Uỷ ban toàn quốc các Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam, 1998.

Mạnh Lê tâm sự : "*Ngày lại ngày tôi với tôi còn ai nữa / Cùng tôi đi tiếp cuộc hành trình / Tôi là cái cây đã cắm vào đất / Cây vươn rễ âm thầm tươi tốt với xung quanh*".

ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

1. Tìm và giải thích những biểu thị đặc trưng Thanh Hoá được tác giả sử dụng trong bài thơ.

2. Những biểu thị này nói điều gì về quê hương chúng ta?

3. Phát biểu cảm xúc khi đọc bài thơ - Bài ca về đất và người Xứ Thanh.

Ghi nhớ

Bằng những biểu thị đặc trưng của đất và người Thanh Hoá, trên nền nhịp điệu của Hồ Sông Mã, một làn điệu dân ca quen thuộc, bài thơ là một bài ca, một lời tâm sự, niềm tự hào, tình yêu sâu nặng của Mạnh Lê đối với quê hương Thanh Hóa mến yêu. Nơi đây có truyền thống văn hóa, lịch sử lâu đời có những con người cần cù lao động, hiếu học, anh hùng, lạc quan, chân chất, giàu tình cảm dù phải trải qua trường kì gian khó.

ĐỌC THÊM

NHÀ HÀNG HẢI

Hồi đầu học kì một, chi đội 5B ⁽¹⁾ của chúng tôi ra một câu hỏi : “Bạn thích môn học nào nhất”.

Tất cả các đội viên đều trả lời. Các câu trả lời được ghi vào một mảnh giấy nhỏ và được chuyển cho các thầy cô giáo bộ môn.

Phải nói là việc ấy gây nên một không khí tranh luận về học tập rất sôi nổi trong lớp.

Những câu trả lời rất khác nhau.

Thằng Quang đét trả lời nó thích môn toán. Ước mơ của nó là sau này sẽ làm kế toán trưởng như ông bố rất được mọi người trọng vọng của nó, hiện đang làm kế toán trưởng ở nhà máy xi măng. Cái Hường thích môn sinh vật, nó sẽ làm một nhà thực vật học chuyên lai tạo, cấy ghép cành chanh vào gốc cam như ông Mít-su-rin. Cái Ёn, một con bé răng sún, có khuôn mặt xinh xinh như các tấm ảnh bé ngoan ở bìa lịch thì lại thích môn lịch sử. Nó nói môn học này sẽ cho nó nhiều hiểu biết để sau này nó có thể khai quật các ngôi mộ cổ. Ý định của nó làm cả lớp hết sức ngạc nhiên. Vì nhẽ ra nó thích làm một danh ca hay bác sĩ thì đúng hơn. Các bạn thử nghĩ xem một đứa con gái mà lại thích tìm hài cốt ! Thằng Vọng muốn làm một ngôi sao trên sân cỏ nên nó thích môn thể dục. Có thể nó sẽ đạt được ý muốn vì nó có cặp giò vòng kiềng ! Cái Đậu muốn làm cô giáo. Nó cứ băn khoăn không biết nên thích môn gì ? Ôi cái con bé ấy ! Chẳng bù cho thằng Phú gà tồ ! Thằng gà tồ “thích nhất” những môn cơ.

Máy đứa thích trở thành nhà vật lí hay hoá học, tất nhiên chúng ghi các môn đó. Còn loại có tâm hồn thi sĩ như thằng Thuật sài thì nó chăm môn văn rồi. Xin tiết lộ cho các bạn biết là từ năm lớp bốn nó đã biết làm thơ. Nó làm những bài thơ lục bát gieo vần ở chữ thứ sáu câu lục với chữ thứ bảy câu bát.

Còn tôi, tôi thích môn Địa lí.

Tất cả các nhà hàng hải đều giỏi môn này. Mà tôi chỉ có một mong ước trở thành người chinh phục đại dương...

Giờ Địa lí đầu tiên.

Chúng tôi ngồi im lặng chờ thầy giáo đến.

Đó là một thầy giáo già. Có lẽ thầy đã gần sáu mươi tuổi. Dáng người thầy cao cao. Tuổi tác làm cho thầy trở nên gầy gò và bước đi hơi chậm chạp. Mái tóc thầy nhiều sợi bạc hơn sợi đen ; có thể nói là tóc thầy còn sợi nào chưa bạc cũng ngà ngà. Ngay lông mày thầy cũng có vài sợi trắng. Quần áo thầy mặc hơi rộng quá, nhưng những bộ quần áo ấy được thầy giữ gìn cẩn thận, nguyên nếp. Ngay cả những lần nóng nực thầy vẫn bỏ áo vào trong quần và cài khuy tay cẩn thận. Thầy mang một cái cặp da nhỏ màu nâu, ở các góc đã sờn trắng, vì đã dùng lâu năm. Thầy còn mang theo một quả địa cầu và bàn tay gầy guộc bên kia lại còn tấm bản đồ thế giới cuộn tròn như cái bóng đèn tuýp. Nhưng đáng chú ý nhất vẫn là cái thước của thầy. Nó hình vuông, mỗi chiều khoảng hai phân và chiều dài tới hơn

một mét, bằng gỗ lim đen bóng. Sau này chúng tôi mới biết đó là cái thước do một học sinh cũ tặng thầy, cách đây đã 30 năm.

Nhìn dáng thầy như vậy, tất cả mọi người phải kính trọng thầy. Những thằng ngỗ ngược nhất trong lớp cũng trở nên biết điều.

Thầy bước vào. Tất cả chúng tôi đứng dậy chào. Thầy hơi cúi đầu chào lại rồi vẫy tay, ra hiệu chúng tôi ngồi xuống.

- Chúng ta làm quen với nhau nhé ! Thầy nói bằng giọng hơi rề vì đã phải nói quá nhiều trong gần bốn mươi năm - Tôi là Đinh Ngọc Lan, chuyên giảng môn địa lí. Từ nay tôi sẽ phụ trách lớp ta về môn này. Các anh các chị cứ gọi tôi là thầy Lan.

Nói xong thầy lại bàn của thầy, xếp tất cả các dụng cụ giảng dạy lên mặt bàn. Thầy mở cặp, lấy ra trong đó một chiếc ống tay giả bằng vải đen, lồng vào cánh tay phải cho tới tận khuỷu. Ống tay giả này có tác dụng không cho bụi phấn bám vào áo. Rồi mở hộp kính, thầy thay chiếc kính trắng đang đeo trên mắt bằng kính trắng khác. Thầy giờ tám bản đồ, treo lên bảng, cẩn thận vuốt hai góc dưới cho phẳng.

Chúng tôi lặng im theo dõi từng động tác của thầy...

Ồ thầy có những điều làm chúng tôi ngỡ ngàng. Nào là hai cái kính, nào là chiếc ống tay giả. Nào là cái thước đáng được đưa vào phòng truyền thống với chiếc cặp da cũng có giá trị như vậy. Nhưng hơn tất cả, thầy gọi chúng tôi bằng “anh, chị” một cách thân mật nhưng tôn trọng dù chúng tôi chỉ đáng tuổi cháu nội của thầy. Các thầy, cô trẻ chỉ gọi chúng tôi bằng “em”. Còn khi nào gọi bằng “anh, chị” thì, coi chừng! Bão táp sắp nổi lên rồi đấy.

Sau khi làm xong những động tác cần thiết mở đầu một giờ học, thầy giờ quyển sổ điểm ra, thầy lặng lẽ rê cây bút từ trên xuống dưới theo cột tên chúng tôi. Lại một lần rê nữa từ dưới lên trên, nhanh hơn. Rồi lại rê xuống.

- Anh Thái Văn Trùng ! Thầy gọi và chấm một cái vào phía cuối dòng tên.

Tôi đứng dậy, không nén được hồi hộp.

Thầy lại thay kính, nhìn tôi một lát, như thăm dò xem trò Thái Văn Trùng của thầy ra sao ? Rồi thầy rời ghế, bước chậm rãi ở lối đi giữa hai dãy bàn, đến chỗ tôi ở cuối lớp.

Sắp phải trả lời một câu hỏi đây. Tôi lo phát sốt. Có thể thầy sẽ hỏi về diện tích đồng bằng Nam Bộ, hoặc tình hình khoáng sản nước ta ? Câu nào thì tôi cũng bí. Thầy mà hỏi tên cái mỏm đất tốt cùng ở phía Bắc thì càng gay.

Ở các môn khác đã mấy đứa bị bắt cóc rồi. Có đứa bị hỏi về cách chăn nuôi gà, có đứa phải đọc thuộc lòng bài “Mình về với Bác đường xuôi...”. Lại có đứa phải cầm phấn giải ngay một bài toán “Hai đội sản xuất có cùng số lao động chính như nhau, đội một có 50 héc-ta, đội hai có 70 héc-ta”.

Những câu hỏi đáng sợ !

Tôi đập thẳng Quang đét một cái. Như vậy là tôi ngầm bảo nó, hể thầy giáo hỏi là phải giở sách ra nhắc tôi ngay. Về điểm ấy thì ngồi phía cuối lớp tiện lợi lắm, các bạn nhác học ạ !

Đến cạnh tôi, thầy đặt bàn tay gân guốc của thầy lên vai tôi. Vì chưa hiểu dụng ý của thầy nên tôi thấy gai khắp cả người, sống lưng cũng lạnh toát đi.

Nhưng tôi thấy ấm áp hẳn lên khi cũng với bàn tay ấy thầy vuốt ve tôi một cách âu yếm !

- Thôi anh ngồi xuống ! Thầy nói, xoa đầu tôi lần nữa, trước khi quay lại bục giảng.

Tôi thấy lạ lùng quá. Thằng Quang đét và những đứa khác cũng thấy lạ lùng không kém. Chúng quay lại phía tôi, trố mắt lên như có ý hỏi : “Vì sao cậu thoát nạn thế ?”.

- Các anh chị ! Giọng thầy Lan vang lên - Tôi vô cùng sung sướng được biết rằng trong lớp ta có những anh, chị yêu thích môn địa lí, như anh Trùng chẳng hạn ! Lòng yêu thích của anh, chị làm tôi vô cùng cảm động. Xin các anh, chị hãy vui lòng nhận ở ông giáo già này lời cảm ơn chân thành vì lòng yêu thích đó. Cũng xin các anh, chị hãy cố gắng cùng tôi, chúng ta hoàn thành tốt chương trình nghiên cứu môn địa lí rất phức tạp nhưng cũng rất bổ ích này. Mong các anh, chị hãy cho thầy giáo già của các anh, chị những niềm vui khi được ghi vào bài của các anh, chị những điểm mười, điểm chín bằng mực đỏ !

Trong lúc nói thầy nhìn tôi. Điều đó làm tôi sướng, hãnh diện. Điều đó cũng làm cho tôi thấy rằng mình phải cố gắng học môn địa lí thật giỏi, nếu không muốn lâm vào hoàn cảnh của một thằng học trò bội bạc.

Một lần nữa xin cảm ơn các anh, chị đã yêu thích môn học của tôi !

Thầy lấy khăn mùi xoa, chấm chấm hai mi mắt...

Giọng thầy xúc động và những giọt nước mắt của thầy làm tôi cũng rung rung...

Sau đó thầy bắt đầu nói về môn Địa lí. Vừa nói thầy vừa xoay quả cầu cho nó quay tít, dùng thước trở bản đồ hoặc viết chữ lên phần bảng không bị tấm bản đồ che lấp.

Thầy nói rằng trên hành tinh vĩ đại của chúng ta có nhiều vùng đất khác nhau về nhiệt độ, gió mưa, sông ngòi, cây cỏ, loài vật, giống người... Những sự khác nhau đó đều có nguyên nhân mà môn Địa lí có nhiệm vụ nghiên cứu. Địa lí làm cho người ta biết được những tài nguyên nổi và tài nguyên chìm sâu trong lòng đất, trong lòng biển... Môn Địa lí đưa người ta đến những vùng xa xôi, vùng cực băng giá hay vùng xích đạo quanh năm chói chang ánh mặt trời. Môn Địa lí cho người ta những dòng sông và những dãy núi mà trong đó chứa đựng những năng lượng khổng lồ hoặc những kho châu báu vô tận. Môn Địa lí còn cho người ta biết những vực sâu đại dương, những đảo san hô, những con đường vòng quanh thế giới. Môn Địa lí cũng đem đến cho con người những kiến thức về trình độ phát triển của một quốc gia. Nguồn gốc và tài năng của các chủng tộc muôn nghìn màu sắc. Học Địa lí người ta còn hiểu được những núi lửa - những hoả diệm sơn- giận dữ như thế nào, thế nào là sự hình thành một trận gió và trong cơn bão chứa đựng một năng lượng bằng bao nhiêu triệu ki lô oát ! Địa lí còn khẳng định sức mạnh cải tạo thiên nhiên, bắt thiên nhiên phải phục vụ mình của loài người. Địa lí, Địa lí ! Đó là môn học phức tạp nhưng vô cùng lí thú.

Cuối cùng thầy giáo kết luận :

- Các anh, chị ! Vậy là môn Địa lí đã mở ra trước mắt các anh, chị trang đầu. Rồi đây chúng ta sẽ đi sâu vào những trang khác với những câu chuyện hấp dẫn. Tôi hi vọng tất cả các anh, các chị đều yêu thích môn học này như anh Trùng ! Còn anh Trùng, anh có thể hứa với ông già này, rằng anh sẽ trở thành một cây Địa lí của lớp không ?

Tôi đứng dậy run run hứa :

- Thưa thầy em sẽ trở thành cây Địa lí và nhà hàng hải ạ.

Thầy rất hài lòng, tháo cái ống tay giả ra. Vừa lúc ấy trống tan học. Phải nói là thầy giảng bài tài tình, không thừa, không thiếu một phút !

Chẳng có lí do gì để tôi không trở thành “cây Địa lí” cả. Tôi học bài Địa lí rất hứng thú. Vì học rất hứng thú nên tôi chóng thuộc bài. Vẽ bản đồ là việc bọn học trò rất sợ. Nhưng tôi cũng tìm cho mình một cách vẽ nhanh mà chính xác. Bản đồ của tôi được tô nhiều màu : biển màu xanh nước biển, đồng bằng màu xanh lá cây, cao nguyên màu gạch non... rất đẹp mắt. Tôi lại còn có thể vẽ bản đồ mà không có mẫu, hoặc phóng to một bản đồ nhỏ trong sách thành một bản đồ rất to, chỉ bằng cách kẻ dăm bảy ô vuông.

Tôi còn biết cả những điều mà chỉ có các anh chị lớp sáu hay lớp bảy mới biết được ! Chẳng hạn tôi biết nước Hà Lan ở dưới mực nước biển, dãy núi Hi-ma-lay-a cao nhất thế giới, còn vực Ma-ri-an thì sâu tới hơn mười một kilômét... Mặc dù chưa tận mắt trông thấy nhưng tôi có thể tả một cách hấp dẫn một cánh rừng Tai-ga ở vùng Xi-bia, những con chim cánh cụt nổi tiếng ở châu Nam Cực.

Tôi là niềm tự hào của thầy Lan, niềm tự hào của cả lớp, niềm tự hào của đại gia đình các nhà hàng hải tương lai và cũng là niềm tự hào của tôi.

Ở sổ điểm, chỗ môn Địa lí, những điểm mười, điểm chín của tôi xếp hàng rất chỉnh tề.

Nhưng ở chỗ các môn khác những điểm kém luôn luôn xuất hiện. Không chỉ có ba và bốn đâu, thỉnh thoảng còn có cả “gậy” và “ngõng” nữa.

Chi đội coi đó là hiện tượng không tốt. Các bạn nhắc tôi không được học lệch. Tôi tỉnh khô.

Một buổi sinh hoạt đội, cái Én, cái con sún răng thích đào mộ cổ ấy, tấn công tôi bằng giọng gay gắt :

- Bạn Trùng học giỏi môn Địa lí. Như vậy là rất tốt. Nhưng còn các môn khác, tại sao bạn lại xoi lăm ngõng như vậy ? Mà toàn là ngõng béo ú nhè ! (Cả lớp cười bò ra). Một đội viên phải phấn đấu học giỏi tất cả các môn học. Bạn không xấu hổ ư, khi thầy Đồng, thầy Ca, cô Ngạn cứ phải phàn nàn về bạn ?

Chà! Đồ sún răng. Tôi thậm tiếc đã bầu nó làm phân đội phó hôm nào !

Giơ tay lên, xin được nói, tôi phản công nó ngay :

- Bạn Én phê bình tôi học lệch, còn bạn thế nào ?

Thậm chí bạn cũng chẳng biết múi giờ là gì !

Có thể là tôi đã đánh trúng chỗ hiểm, cái Én đỏ mặt lên vì xấu hổ. Trong khi cả thế giới nhất trí chia các múi giờ theo kinh tuyến thì nó lại bảo múi giờ tính bằng

vĩ tuyến. Chuyện ấy đã được lên báo liếp với các tranh vẽ của thằng họa sĩ Nam rồi. Mà trong tranh nó lại sún những bốn cái răng kia !

Sau một phút xấu hổ, cái Én cố gắng đáp lại, giọng càng gay gắt, mặt càng đỏ hơn.

- Tôi đã biết múi giờ rồi. Trong tuần này tôi cũng đã được một điểm bảy môn địa. Còn bạn thì có dám phân đấu để tuần sau được bảy điểm môn Lịch sử không nào ? Trước cả lớp, bạn có dám hứa hẹn không ?

Tôi đang nghĩ cách chống lại thì tất cả mọi người đã nhao nhao lên :

- Môn Toán nữa !

- Môn Văn nữa !

- Môn Ngoại ngữ nữa !

Dường như tôi bị cả chi đội tấn công. Chiến đấu với cái Én đã khó, chiến đấu với cả lớp càng gay go. Nhưng tôi có lí lẽ của tôi chứ !

- Tôi không thích đào mộ cổ, không thích làm thơ, không thích làm kế toán... Tôi chỉ thích làm nhà hàng hải thôi ! Vì vậy tôi chỉ cần học giỏi môn Địa lí là đủ rồi. Xin hỏi các bạn tôi cần gì phải biết ghép cam với chanh khi tôi đang lái tàu vượt đại dương ?

- Bạn Trùng nói không đúng ! - “Cô giáo Dậu” lên tiếng - Hiện nay bạn không phải là thuyền trưởng mà là học sinh. Bạn có nhiệm vụ phải học giỏi tất cả các môn. Nếu ai cũng chỉ học một môn như bạn thì đây không phải là lớp học nữa, không phải lớp 5B nữa, chúng ta không phải là học sinh nữa... Bố tôi là thợ nguội ở nhà máy thép mà còn phải học thêm những sáu môn trong lớp học bổ túc buổi tối đấy.

Lời phát biểu của “cô giáo” được một tràng vỗ tay rất dài ủng hộ. Thậm chí thằng Vọng “cầu thủ” còn thò bốn ngón tay vào miệng huýt còi tán thành nhiệt liệt. Tôi giận nó lắm, đồ bênh gái !

Có lẽ đã xảy ra một trận đánh nhau giữa tôi và nó, nếu hết giờ học nó không lao ra sân bóng bằng lối của số.

Chi đội đã quyết nghị bắt tôi học đều các môn !

Nhưng tôi mặc kệ. Đã bảo rằng tôi chỉ thích làm nhà hàng hải. Vì vậy tôi phải tập trung sức cho môn Địa lí. Ai cũng biết phân tán tư tưởng thì tác hại sẽ như thế nào ?

Vì vậy tôi vẫn được mười và chín môn Địa, “gậy” và “ngõng” các môn khác.

Tôi rất bằng lòng như vậy. Chỉ hơi tiếc rằng không có điểm 11 để thầy Lan ghi vào sổ điểm cho tôi mà thôi.

Một hôm thầy Lan gặp tôi ở hành lang trong giờ ra chơi :

- Anh học lệch như vậy tôi không hài lòng - Thầy nói - Anh nghĩ sao thế, anh Trùng ?

Trời ơi ! Đến thầy mà còn hỏi tôi nghĩ gì nữa ! Tôi nghĩ rằng tôi sẽ chinh phục biển chứ gì ! Và tôi đã học giỏi môn của thầy, thế mà thầy còn không hài lòng ư ? Không, thầy thế thôi, chứ... thầy rất hài lòng về tôi !...

Nhịp điệu “mười và chín”, “gậy và ngõng “ vẫn diễn ra bình thường !

Thế rồi ... tôi phải kể tỉ mỉ cho các bạn nghe chuyện này.

Ở trường tôi, cứ nửa tháng lại có một buổi học được gọi là “trò chơi”. Nào là chơi toán học, trò chơi ngoại ngữ, trò chơi sinh vật, trò chơi thể dục thể thao... Trong buổi học ấy bạn có thể bắt thăm lấy các câu hỏi, nếu bạn muốn, cũng có khi là thăm dành cho tập thể, tất cả cùng suy nghĩ rồi cử một đứa trả lời. Cũng có thể bạn sẽ được đồ a-xít vào ba-giờ hoặc gõ ma-níp truyền đi những bức điện “tạch, tề, tạch tạch tề,...”. Với những trò chơi ấy cần phải nhanh nhẹn, thông minh và cần nhất là học giỏi ! Nói chung là... khá đau đầu!... Nhưng cũng thú vị. Vì rất có thể bạn sẽ được cô giáo tặng một quyển truyện, một tấm giấy quỳ, hoặc một com-pa bằng đồng có chốt hãm khâu độ hẵn hoi.

Hôm ấy là trò chơi Địa lí.

Tất cả bọn khối 5 gồm ba lớp, một trăm bốn mươi hai đứa, đều được mời lên hội trường. Ở đây có những dãy ghế băng, có sân khấu, dùng để mít-tinh hay biểu diễn văn nghệ.

Điều khiển trò chơi hôm nay là thầy Lan, thầy giáo già vô cùng kính yêu của tôi.

Có thể ở đâu đó người ta có những căn phòng Địa lí rất hiện đại, gồm cả bầu trời sao với kính thiên văn, với những gì gì nữa ấy, còn chúng tôi, chúng tôi chỉ có độc một tấm bản đồ.

Nhưng đây không phải là tấm bản đồ thường. Trước hết nó rất to, một chiều ba mét và chiều kia tới gần năm mét. Sau nữa, bạn có thể làm cho bất cứ quốc gia nào, một thành phố lớn hoặc một hòn đảo nào sáng lên bằng một hệ thống công tắc

được lắp trên bản đồ. Mà không phải chỉ có ánh sáng trắng, còn nhiều màu sắc sặc sỡ khác. Đây là công trình của thầy Lan và các anh các chị lớp trên làm từ những năm trước.

Chúng tôi hì hục khiêng nó vào, đặt chính giữa sân khấu. Thầy Lan mang cái ghế tựa, ngồi phía dưới. Tất cả đồ đạc của thầy đặt ở mép sân khấu, nơi có biểu diễn văn nghệ người ta đặt hộp đèn, hắt ánh sáng lên diễn viên.

Đã đến giờ. Tất cả chúng tôi chen chúc nhau lên những dãy ghế gần nhất. Một trăm bốn mươi hai đứa, thế mà lọt thỏm giữa hội trường !

Có thể nói là tôi rất hồi hộp. Vì chỉ tí tẹo nữa tôi sẽ được bốc thăm. Và ở đây, trước cả khối, chứ không riêng 5B, tôi sẽ được các bạn tung hô nhiệt liệt !

- Các anh các chị có thích đi du lịch không? - Thầy giáo hỏi.

- Có, có !

- Thưa thầy có ạ ! Chúng tôi nhao nhao lên. Được đi du lịch thì còn gì bằng.

Chờ cho trật tự ổn định lại thầy hỏi tiếp :

- Vậy thì ai trong số các anh chị có thể đưa mọi người đi nào ?

Im lặng.

Có mấy đứa ngoái nhìn tôi. Nhưng tôi làm sao có thể đưa chúng đi du lịch được, khi còn ngồi trên cái ghế băng này ?

Thầy giáo nhìn tôi, mỉm cười. “Chết nỗi ! Thầy nghĩ là tôi làm được việc đó sao?”. Tôi vội cup mắt xuống lo lắng. “Sắp gọi này, sắp gọi này”...

Thầy gọi thật :

- Anh Thái Văn Trùng, 5B ! Mời anh lên đây.

Tôi đi lên trong nhịp trống ngược đảo hồi như trống hô đê.

- Em... thưa thầy... - Tôi định từ chối.

Song thầy kéo tôi lại gần, xoay người tôi lại phía các bạn, và bàn tay gầy guộc của thầy vuốt vuốt vai tôi rất âu yếm. Tôi hơi vững lòng. Nhưng cũng chưa hiểu rồi cái gì sẽ đến đây.

- Tôi xin giới thiệu với các anh chị, anh Thái Văn Trùng là một “cây Địa lí” của lớp 5B. Về môn Địa lí, anh Trùng làm tôi rất tự hào...Còn, hôm nay, anh Trùng sẽ làm cho các anh các chị thấy, để trở thành một nhà hàng hải chân chính, người ta cần những gì !

Những tiếng vỗ tay vang lên rầm rộ. Tôi cảm thấy sung sướng vô hạn. Các bạn hoan hô tôi !

- Anh Trùng - thầy lại nói - giả sử thế này. Đây là một con tàu lớn, có nhiều phương tiện hiện đại. Tất cả các bạn ngồi kia là hành khách, còn anh là thuyền trưởng. Trên người anh không phải là chiếc quần xanh với áo sơ mi cộc tay, mà là bộ quần áo của thuyền trưởng, màu trắng, có gù vai bằng kim tuyến. Đầu anh đội mũ kê-pi, chân đi giày da không thấm nước. Đó, giả sử như vậy. Anh có nhiệm vụ đưa một trăm bốn mươi hành khách đi vòng quanh thế giới.

Lại những tràng vỗ tay như sấm, lại tiếng la hét kích động. Và vút lên một tiếng còi mồm chói tai của thuyền Vọng cầu thủ.

Tôi hiểu ra ý định của thầy và cũng hiểu rằng việc này tôi có thể làm một cách dễ dàng.

Thầy trao cho tôi cái thước trừ danh của thầy và ra hiệu bảo tôi trèo lên sân khấu.

Nếu bạn từng lên sân khấu, bạn sẽ biết cảm giác của tôi lúc này ! Vừa hồi hộp vừa hãnh diện. Tôi tự nhủ mình hãy trấn tĩnh. Có bình tĩnh mới làm tròn nhiệm vụ vẻ vang này. Thầy giáo nhìn tôi, nhắc :

- Kìa! Anh bắt đầu đi chứ ! Bây giờ con tàu chúng ta đang ở cảng Hải Phòng. Đã đến giờ xuất phát.

- Thừa thầy, thừa các bạn... Tôi mở đầu.

- Không ! Không ! - Thầy giáo xua tay - Lúc này anh đang là thuyền trưởng còn các bạn anh là hành khách !

- Các vị khách thân mến - Tôi nói và bật một công tắc.

Vùng cảng Hải Phòng sáng lên, màu xanh lá cây - Bây giờ chúng ta xuất phát ! Tôi sẽ đưa các vị đi vòng quanh thế giới theo hướng tây, hướng cùng chiều với một thứ gió từ 30 vĩ độ Bắc và 30 vĩ độ Nam thổi về xích đạo, mà các nhà hàng hải chúng tôi quen gọi là “mậu dịch phong”... Nhưng trước khi đến những đất nước, vùng biển xa lạ, chúng ta hãy ghé vịnh Cam Ranh. Đây là một vịnh lớn và kín...tốt bậc nhất ở nước ta và cũng bậc nhất thế giới. Người ta gọi Cam Ranh là một kì quan của thiên nhiên đấy !

Sau câu nói, chúng tôi đã đến Cam Ranh. Đền ở cảng Cam Ranh nhấp nháy, chúng tỏ điều đó....

Từ biệt Cam Ranh, vịnh biển thần tiên, tôi cho tàu vượt qua eo Mã Lai. Nhiều hành khách muốn tôi cho họ biết thành phố Xanh-ga-po ở chỗ nào. Tôi liền giảng giải cho mọi người rằng đó là một thành phố có hàng trăm cao ốc - một cái chợ buôn bán sầm uất của thế giới. Chúng tôi vừa đi vừa ngắm Ấn Độ Dương êm ả. Vì còn phải đi đường dài nên chúng tôi chỉ ghé lại Xri-lan-ca một lát. Tuy vậy chúng tôi cũng đã có dịp được uống nước dừa, một đặc sản của "đất nước rục rờ" này. Cái Ấn - lúc này đã là nhà sử học chính cống - chỉ cho mọi người một công trình kiến trúc tuyệt đẹp gồm nửa quả cầu màu trắng đỡ một khối lập phương và một tháp nhọn màu vàng. Nhà sử học bảo đó là một trong những đa-gô-ba (mộ cổ), bên trong có hài cốt vua chúa hay nhà truyền đạo Phật... Chúng tôi vẫy chào hòn đảo ấy, vẫy chào cả lục địa Ấn Độ cổ kính nơi có cây cột sắt tuyệt vời... Chẳng mấy chốc con tàu của chúng tôi chỉ còn cách bờ biển Trung Đông năm mươi hải lí. Bây giờ có hai lối đi. Một là vòng xuống phía nam, ghé qua nước Man-gát. Có thể mua ít ca cao ở đây, để dành uống dần. Sau đó đến mũi Hảo Vọng đầy sóng gió... Nhà thơ Thuật không thích đi lối đó. Anh ta kể chuyện "Người thủy thủ Xin-bát trong bộ "Một nghìn lẻ một đêm" và đòi ghé A-đen hoặc Cai-rô để đến thăm những người Ả-rập. Tôi thấy cũng có lí vì chúng tôi cần lấy thêm dầu, mà đây là cái rốn dầu của thế giới, tốt quá đi chứ !

Con tàu vào Hồng Hải. Hường, nhà nữ sinh vật học cho rằng nước biển ở đây sẫm đỏ vì trong đó có một loài tảo đỏ sống dày đặc. Qua kênh Xuy-ê, chúng tôi vào Địa Trung Hải - cái nôi của nền văn hoá rục rờ. Vì quá hâm mộ nước Ý nên chúng tôi dừng lại ở đó để ngắm trời xanh và nghe những bản tình ca... Dân Ý tốt bụng. Chia tay họ tôi không khỏi nhớ nhung...

Lại nhắm hướng tây đi tới. Chẳng bao lâu con tàu đã đi vào lãnh hải của Maroc và Tây Ban Nha ở eo Gi-bran-ta. Chúng tôi đi giữa hai châu lục, và bằng mắt thường có thể trông thấy những đồi cát và cây cối của cả hai châu vì có chỗ eo biển chỉ rộng 14 kilômét !

Trước mắt tôi, đã là Đại Tây Dương, đại dương thứ hai trên hành tinh, nơi có dòng hải lưu nóng Gơn-xơ-rim và dòng hải lưu lạnh Grô-en-lan nổi tiếng. Ở đại dương này chúng tôi được ngắm bình minh và hoàng hôn đỏ thắm. Một số người muốn được xem băng giá vĩnh cửu nên yêu cầu tôi rẽ về phương bắc, nhằm Băng Đảo, hòn đảo lớn nhất địa cầu. Tôi cũng rất muốn mắt mình được chói ngợp trong

màu băng giá long lanh. Nhưng bây giờ đang mùa xuân, mùa băng tan. Tôi không dám mạo hiểm. Vì có thể chúng tôi sẽ bị những núi băng trôi nghiền nát, như cối xay nghiền cà phê !

Tôi cho tàu lao nhanh. Chân vịt quạt nước sùng sục, hết cỡ, phun về phía sau cả một dải bọt trắng xoá. Tôi vượt đại dương trong năm phút, vừa đủ để nói vài điều chủ yếu về nó. Phút thứ sáu, chúng tôi đã cập bến Ha-ba-na. Trong đêm, thành phố sáng lộng lẫy. Ở hòn đảo Cu Ba này thì khỏi phải nói nhiều. Chúng tôi được ăn mía thả cửa ; có thể ăn một cây, hoặc hai cây, tùy ý.

Trong khi nghỉ ngơi ở đây, tôi cho hành khách biết là sắp tới chúng tôi sẽ đi vào vùng “tam giác quỷ” khét tiếng. Nghe nói đến “tam giác quỷ” nhiều người sợ vàng mắt. Nhưng tôi bảo với họ rằng không phải lúc nào qua đó cũng gặp nạn.

Trung phong xuất sắc của đội tuyển bóng đá quốc gia, anh bạn Vọng của tôi, năn nỉ tôi cho tàu đi dọc bờ biển Nam Mỹ. Anh ta muốn có dịp ghé Bra-xin hay Ac-hen-ti-na để thi thố tài năng với các cầu thủ ở những "đất nước bóng đá này". Được xem các cầu thủ loại nhất thế giới thì còn gì bằng ! Song tôi thấy không thể chiều anh bạn. Là một nhà hàng hải có lương tâm và dày dặn kinh nghiệm tôi không thể đưa hàng trăm hành khách vào chốn nguy hiểm được. Ai mà biết, những gì có thể xảy ra khi con tàu phải chen lách trong eo Ma-gien-lăng ở chót cùng địa lục ấy !

Tôi quyết định đi qua kênh Pa-na-ma. Xin chào Cu Ba anh hùng, chào Đại Tây Dương đầy bí ẩn ! Tạm biệt nhé...

Và chúng tôi vào kênh, lần lượt vượt qua 25 cửa âu của đoạn đường 150 kilômét.

Ở kênh này, nhiều người thấy bực mình. Có những chỗ con tàu phải để cho hệ thống tời hai bờ kênh kéo đi như kéo một chiếc xà lan hạng bét ! Có ai đó kêu lên “Nếu vào tay tôi, tôi đã thiết kế kênh theo kiểu khác đi rồi”.

Nhưng chúng tôi đã ra đến Thái Bình Dương. Biển Mạ ! Chao ôi ! Thái Bình Dương vĩ đại, kì tích số một của tạo hoá ! Những con sóng vỗ bên mạn tàu, tôi cứ băng khuâng tự hỏi, có con sóng nào ở đây đã từng vỗ vào bờ cát quê ta ? Phải, có thể lắm chứ, dù cách nhau chiều rộng của Thái Bình Dương, nửa vòng quả đất !

Vì muốn mau về tới đích, cũng vì đã mệt mỏi, tôi cho tàu chạy với ... tốc độ ánh sáng ! Chớp một cái chúng tôi đã ở tọa độ 176 kinh độ đông - 25 vĩ độ bắc ! Chính giữa đại dương.

Tôi định chộp một cái nữa để về đến Hải Phòng thì ... xảy ra một sự cố ghê gớm, không ai có thể ngờ trước.

Thầy giáo già của tôi lên tiếng :

- Đồng chí thuyền trưởng, đồng chí có thể nói cho mọi người biết vì sao có cái tên Thái Bình Dương được không.

Tôi vui lòng giải thích ngay về cái tên đó và nói thêm :

- Nhưng Thái Bình Dương lại là đại dương hung dữ nhất ! Ở đây thường có sóng thần do núi lửa và động đất gây ra. Sóng thần có thể cuốn đi một khu phố hoặc một quả núi. Đối với nó, những con tàu chỉ là cái vỏ trấu ! Bao biển cũng là tai họa thường gặp. Trong cơn bão, sóng có thể cao đến năm, sáu mét. Gặp vật cản, nó chồm lên tới ba mươi, bốn mươi mét !...

- Lúc này con tàu của chúng ta đang gặp một cơn bão kiểu ấy - Thầy giáo chúng tôi nói - Gió thổi lồng lộn, sóng đánh bốn bề. Biển đang gào thét đòi nuốt chửng tất cả những gì nổi trên bề mặt nó. Số phận của con tàu và một trăm bốn mươi hai hành khách đặt cả nơi thuyền trưởng, thuyền trưởng hãy quyết định đi !

Tôi ra lệnh :

- Tất cả rời mặt boong ! Tôi sẽ tìm nơi cho tàu ẩn nấp ở hòn đảo kia.

- Không ! Đang đêm ! Tất cả đang ngập trong bóng tối và cơn phẫn nộ của biển ! Chẳng ai nhìn thấy gì hết ! Thuyền trưởng làm sao biết có hòn đảo nào ?

Thầy giáo lại hỏi.

- Em xác định được tọa độ, thưa thầy - Tôi nói và ở chỗ hòn đảo ấy loé lên một tia sáng ! Rồi tắt ngấm. Cái bóng đèn pin ở đảo phía sau bản đồ cháy rồi. Mà cháy đúng lúc con tàu đang nguy ngập ! Chán quá !

- Đó là đảo gì ? - Tiếng thầy giáo vang lên sau lưng tôi.

- Đó là đảo.....đảo - Tôi ghé mắt vào gần tám bản đồ. Nhưng trời ạ ! Tên đảo viết bằng tiếng Nga...

- Đảo gì thuyền trưởng?

- Dạ, thưa...- Tôi lo sợ đến nghẹn ngào. Và túi hồ quá chùng ! Hơn một trăm cặp mắt đang nhìn vào tôi, trong đó có những cặp mắt chế giễu. Chỉ có một từ tiếng Nga mà cũng không đọc được ! Tôi muốn bứt một tai mình ném xuống !

- Thôi ! Không phải nói tên hòn đảo nữa ! Đó chưa phải là sự trừng phạt lớn nhất đối với những anh thường xơi “gậy” ngoại ngữ đâu. Còn nhiều điều khó chịu

hơn kia - Thầy giáo nói, vẫn cái giọng khàn khàn chậm rãi, nhưng tôi có cảm giác như đây mới là bão táp thực sự đổ xuống đầu tôi - Anh cho tàu ghé vào đó đi! Nhớ là xung quanh mịt mù, không nhìn thấy gì hết. Số phận con tàu và hành khách đang ở trong tay anh, nhà hàng hải ạ !

Tôi nhớ ra con tàu của tôi có nhiều máy móc hiện đại.

- Em sẽ cho máy móc làm việc !

- Đúng !

Tôi lao vào khoang chỉ huy. Ở đây, tất cả các loại máy móc đều đang hoạt động tốt. Nhưng hàng loạt đèn đỏ - báo động - nhấp nháy liên hồi. Tôi cũng chìm ngập trong cái màu đỏ dễ làm người ta hoảng hốt ấy. Gió đang mạnh lên. Trong khoang hành khách có những tiếng đồ dùng rơi vỡ loảng xoảng, tiếng người say sóng nôn ọe. Tàu tròn thành dữ dội. Tôi nghe như có tiếng răng rắc ! Và tiếng nước chảy ồ ồ... Có lẽ một khoang nào đó thủng ! Phải nhanh tay mới được !

Tôi định vặn một cái núm điều khiển nào đó để con tàu vào nằm yên ảm ở cái cảng tôi không biết tên. Nhưng phía sau tôi lại... vang lên giọng nói của thầy Lan :

- Muốn điều khiển được những máy móc hiện đại ấy anh phải tính toán được sức gió, tốc độ gió, tốc độ sóng, sức nặng của con tàu... Anh phải biết làm những bài toán có đồ thị pa-ra-bôn và phương trình mũ... Nhưng anh có chịu học toán và lí đâu...

Tôi sững lại, không phải trong buồng điều khiển mà...giữa sân khấu. Cảm giác lo sợ và xấu hổ còn dữ dội hơn lúc nãy.

- Anh đã không tính toán được, không điều khiển được con tàu - Thầy giáo nói - Trong tai biển nhiều khi chỉ chậm một phút thôi, đã tan tành tất cả. Vì anh dốt toán nên con tàu đâm phải đã ngầm rồi đó. Nó bị xé tan ra hàng trăm mảnh ! Tất cả hành khách và thuyền trưởng đều bị hất lên đảo hoang. Rét mướt, tơi tả. Thảm trạng ấy anh phải chịu trách nhiệm. Nhưng người ta sẽ xử anh sau... Còn lúc này anh vẫn thi hành công vụ. Anh phải kiếm cái ăn, nuôi sống từng ấy con người chứ ! Nhưng anh có còn đủ sức khoẻ để lê bước đi sau một cuộc hành trình dài và cơn bão biển đó không nhỉ ?... Tôi biết là anh không chịu học môn thể dục...

- Thưa thầy em sẽ học và đủ sức khoẻ chịu đựng ạ. Tôi nói trong nghẹn ngào, tôi đã hiểu được phần nào ý đồ của thầy.

- Phải, tôi tin anh rèn luyện thì chịu đựng được... Nhưng anh không chịu học môn sinh vật ! Mà trên đảo toàn là cây cỏ dại. Có thứ ăn vào sẽ khoẻ người, bổ như sâm ! Cũng có thứ chỉ ném thôi cũng đủ ngộ độc...

Tôi đưa mắt nhìn cái Hùng, cái con bé thích ghép cây, lúc này đã là một nhà sinh vật học trứ danh : “Cứu tớ với”. Nó hiểu ý tôi nhưng nói oang oang :

- Mình bị say sóng và bị thương nữa, chết ngắt rồi ! Chẳng giúp cậu được gì đâu !

Giận nó thật không để đâu hết ! Trong hoạn nạn không chịu cứu giúp nhau lại bịa ra trò chết ngắt. Tôi đành hứa với thầy :

- Em sẽ học môn sinh vật !

Thầy khẽ gật đầu. Không khí lúc này thật trang nghiêm. Hình dáng tôi thật thảm hại, có lẽ rất dễ chế giễu. Nhưng tất cả cứ im thin thít. Thậm chí đến thở bạn tôi cũng thở nhẹ.

Bỗng thầy giáo lên tiếng, vui vẻ :

-Ồ ! Thuyền trưởng ạ, đây không phải là hoang đảo ! Có người lại phía chúng ta kia kìa ! Anh không biết ngoại ngữ chắc là chả làm cho họ hiểu cần phải giúp anh những gì... Nhưng thôi. Cứ cho là anh giỏi ngoại ngữ !... Những người tốt bụng sẽ cho anh và hành khách ăn uống, thuốc men và những thứ anh yêu cầu ! Thật là may mắn. Đất trời trở lại bình an rồi. Một ngày rất đẹp, có nắng và biển xanh ngấn ngắt. Người đứng đầu hòn đảo thật là dễ mến. Ông ta mời thuyền trưởng đến toà Thị sảnh nói chuyện. Sau khi thăm hỏi nhau rồi, ông ta muốn thuyền trưởng, cho ông ta một khái niệm về đất nước thuyền trưởng, nước Việt Nam mà ông ta biết là ở bán đảo Đông Dương ấy... Cách tốt nhất là thuyền trưởng nói với vị chủ nhà mến khách quá trình lịch sử và văn học nghệ thuật của đất nước mình. Nhưng như vậy lại phải giỏi sử và thông hiểu văn học nghệ thuật chứ !... Ôi ! Xấu hổ ! Nếu không nói được về Bà Triệu, về Kiều, về Nam Cao...! Thế mà người ta sẽ đánh giá Tổ quốc anh qua anh đấy anh ạ !... Một thuyền trưởng không hiểu về Tổ quốc mình. Trời ơi !... Thà chết chìm dưới đáy biển còn hơn lâm vào tình trạng ấy !

Tôi toát mồ hôi hột. Chân tôi tự nhiên run run. Tôi muốn khóc lên. Muốn làm việc gì thật dữ dội. Muốn rửa mình thật độc. Tôi đã biết muốn thành nhà hàng hải người ta phải chuẩn bị cho mình những gì và chuẩn bị như thế nào rồi !

- Em...em...thưa thầy...- Tôi định thú nhận điều đó. Nhưng thầy giáo khoát tay ra hiệu không cần.

Thầy đứng dậy, chậm rãi đi về phía cửa nách, lên sân khấu. Thầy cầm lấy cái thước trừ danh từ tay tôi nói nhỏ :

- Anh có thể về chỗ !

Tôi loạng choạng đi ra cửa nách. Ở cái xó không ai trông thấy được, tôi đã lau trộm hai giọt nước mắt nóng hổi. Xuống ghế ngồi, mắt tôi đỏ hoe. Tất cả, một trăm bốn mươi một đứa bạn đều nhìn tôi. Nhưng không đứa nào tỏ ý cười cợt hoặc chế giễu. Chúng thông cảm với tôi...

Ở trên sân khấu, thầy giáo già chống thước lặng lẽ nhìn tất cả các học sinh thân yêu của thầy. Thầy đứng nghiêng nghiêng và chúng tôi thấy mái đầu bạc của thầy hơi rung rung trong một niềm xúc động sâu sắc. Thầy đã quá già, gầy và yếu. Lòng tôi xót xa vì thấy rằng qua bao nhiêu năm tháng, thầy đã mất bao sức lực để lo lắng cho tương lai của các thế hệ học trò, lẽ ra thầy phải được yên tâm, hoàn toàn yên tâm... thế mà chúng tôi, tôi vẫn còn làm thầy phải lo lắng, chưa nguôi.

- Các anh, các chị ! Tiếng thầy vang lên, lại càng rè hơn bất cứ lúc nào. Những âm thanh rè rè ấy cửa vào trái tim chúng tôi như một lưỡi cưa - Anh Thái Văn Trường đã chứng minh cho mọi người thấy, muốn thành một nhà hàng hải chân chính, người ta cần thông thạo những gì ! Còn các anh, các chị khác, những người muốn trở thành kỹ sư, bác sĩ, thợ tiện, lái máy cày, nhà vật lí, nhà thơ, hoa tiêu, nhà sinh vật, kế toán.... thì sao ? Câu trả lời đã rõ ràng, không thể trở thành người thợ giỏi nếu không biết vật lí, cũng như không thể trở thành nhà vật lí nếu không biết hoá học ! Sau này mỗi anh, mỗi chị chỉ phục vụ Tổ quốc bằng một nghề thôi, nhưng nhà trường vẫn phải dạy các anh, các chị cả mười môn học vì lẽ đó !... Tôi, một thầy giáo già đã gần bốn mươi năm trong nghề, đã dạy dỗ gần bốn mươi lứa học sinh như các anh các chị... xin có một lời khuyên : Các anh chị hãy suy nghĩ kĩ về những gì được học hôm nay !

Thầy dừng lại, bước xuống....

Bọn chúng tôi nhìn nhau như tất cả đều có lỗi...Khác với bất cứ buổi nào, lần này chúng tôi ra về trong im lặng. Chẳng riêng gì tôi, đứa nào cũng găm một quyết tâm mới trong đầu !

Tôi cương quyết bỏ đi một nửa cái nhíp điều “mười và chín”, “gậy và ngỗng” ! Tôi chỉ cần nửa trên “mười và chín” thôi !

Và tôi đã làm như thế !

Tôi mơ ước khi tôi đã được mặc y phục thuyền trưởng thật sự, tôi sẽ đến bên thầy, cung kính mời thầy lên con tàu của tôi, đi một vòng quanh thế giới rồi thưa :

- Em trở thành một nhà hàng hải chân chính là nhờ công ơn dạy dỗ của thầy !

Chắc là thầy sẽ rất vui. Thầy sẽ nói một lời cảm ơn vì thầy vẫn có thói quen cảm ơn những trò mang lại cho thầy niềm vui.

(Đặng Ái^(*)), trong *Nhà văn Việt Nam hiện đại tỉnh Thanh Hoá*, NXB Hội Nhà văn, 2000)

Chú thích

(*) *Đặng Ái*, tên khai sinh là Đỗ Minh Phong, sinh năm 1948, tại thành phố Thanh Hoá, hiện ở Hà Nội. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1983).

Học hết phổ thông trung học, Đặng Ái nhập ngũ, là thương binh trong kháng chiến chống Mỹ. Giải ngũ, năm 1983 học Trường Viết văn Nguyễn Du. Tốt nghiệp, làm phóng viên báo *Thương nghiệp*. Từ 1989 đến 1996 từng giữ các chức vụ: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Văn nghệ Thanh Hoá, Phó Tổng biên tập tạp chí Văn nghệ Thanh Hoá.

Tác phẩm chính đã xuất bản : *Đỉnh Ngọc* (tập truyện, 1975) ; *Bức tranh đẹp* (tập truyện, 1976) ; *Có một mùa hè* (tiểu thuyết, 1984 - 1985) ; *Tín hiệu bình yên* (truyện, 1986) ; *Phía trước đường đời tôi* (tập truyện, 1986) ; *Huyền thoại dóc ba cây sến* (tập truyện, 1987) ; *Mắt buồn* (tập thơ, 1990) ; *Thuở đại khờ* (tiểu thuyết, 1991) ; *Giai điệu mùa thu* (tập truyện, 1994) ; *Biển tấu* (tập truyện, 1996).

Giải khuyến khích cuộc thi truyện ngắn báo Văn nghệ năm 1970 ; Giải khuyến khích về tiểu thuyết của Hội đồng văn học thiếu nhi Hội nhà văn năm 1984 ; Giải C truyện ngắn và Giải B tiểu thuyết viết về giao thông vận tải do Bộ Giao thông vận tải tổ chức.

(1) *Lớp 5* : theo hệ thống giáo dục phổ thông cũ, tương đương lớp 6, 7 bây giờ.

Gợi ý : Cảm nghĩ của em về nhân vật cậu học sinh Thái Văn Trùng, về nhân vật thầy giáo già dạy môn Địa lí và về nhà trường khi đọc truyện ngắn này. Em thấy

Đặng Ái kể chuyện học đường có thú vị không ? Nếu có, hãy một số dẫn chứng minh hoạ.

BÀI TẬP VỀ NHÀ

1. a) Lựa chọn các dữ kiện cho sau đây để hoàn thành *Bảng thống kê tác giả văn học Thanh Hoá từ 1975 đến nay* (xếp theo năm sinh theo mẫu ở cuối câu hỏi).

- **Họ tên** : Trần Thiên Hương, Nguyễn Thị Ngọc Trai, Lê Minh Hoài, Nguyễn Trường, Nguyễn Trần Thiết, Mai Văn Hai, Mai Ngọc Uyển, Nguyễn Ngọc Quế, Hà Thị Cẩm Anh, Nguyễn Anh Biên, Trần Xuân Kỳ, Nguyễn Văn Trâm, Trần Hiệp, Nguyễn Cẩm Hương, Vũ Xuân Mai, Lê Ngọc Minh, Kiều Vượng, Trịnh Huyền, Mai Linh, Lê Thị Ngà, Phùng Thiên Tân, Lê Văn Luy, Lê Đình Cát Cánh, Nguyễn Văn Đệ, Lê Văn Tĩnh, Đào Hữu Phương, Nguyễn Thanh Hùng, Lê Văn Mạnh, Nguyễn Văn Lưu, Nguyễn Văn Truy, Phạm Văn Hoa, Nguyễn Ngọc Bảo, Lê Minh Khuê, Trịnh Huy Trạ, Lê Văn Vọng.

- **Bút danh** : Lữ Giang, Nguyễn Hương Trâm, Lê Thị Kim, Lê Xuân Vũ, Lê Đình Cánh, Mạnh Lê, Từ Nguyên Tĩnh, Trần Vũ Mai, Huy Trạ, Nguyễn Bảo, Phạm Hoa, Thành Duy, Xuân Ba

- **Quê quán, năm sinh (năm mất)** : Cẩm Thủy - (1948) ; Đông Sơn - (1952) ; Hà Trung - (1933) ; Hà Trung - (1959) ; Hà Trung - (1944-1991) ; Hậu Lộc (1954), ; Hoằng Hoá - (1958) ; Hoằng Hoá - (1929) ; Hoằng Hoá - (1957) ; Nga Sơn - (1947) ; Nga Sơn - (1951) ; Nga Sơn - (1941) ; Nông Cống - (1939) ; Nông Cống - (1928-2005) ; Nông Cống - (1941) ; Quảng Xương - (1953) ; Quảng Xương - (1936) ; Quảng Xương - (1944) ; Quảng Xương (1959) ; TP Thanh Hoá - (1950) ; TP Thanh Hoá - (1954) ; TP Thanh Hoá - (1928) ; Thiệu Hoá (1932) ; Thiệu Hoá (1953-2008) ; Thọ Xuân (1941) ; Thọ Xuân (1947) ; Thọ Xuân (1945) ; Thọ Xuân (1947) ; Tĩnh Gia - (1949) ; Tĩnh Gia - (1947) ; Vĩnh Lộc (1948) ; Vĩnh Lộc - (1949) ; Vĩnh Lộc - (1952), Vĩnh Lộc (1940), Vĩnh Lộc (1949).

- Tác phẩm chính :

+ *Tập thơ* : Cánh cò, Chiếc gai nhỏ ; Quả đầu mùa, Bờ ve ran ; Đò ơi, Mùa thu quên lãng ; Huyền thoại cánh buồm, Trăng trên ống khói ; Nắng bên sông, Đất và hoa ; Khi tình yêu đến ; Đất lạnh, Người đôn hậu, Trời dịu ; Một cuộc đời sông, Tôi và ai nữa, Lời của gió, Miền riêng tôi ; Hồi ức chuồn chuồn, Cho.

+ *Trường ca, truyện thơ* : Hà Nội - Thăng Long ; ở làng Phước Hậu, Nàng Chim Lạc, Lửa Hàm Rồng, Đất nước thuở Hùng Vương, Con lốc xanh.

+ *Kí* : Phóng sự điều tra-kí sự Xuân Ba ; Vàng dưới biển xanh, Mất biển xanh.

+ *Tập truyện ngắn* : Bông hoa móng rồng, Những quả duối vàng, Bây giờ bạn ở đâu ; Bài xường ru từ núi, Nước mắt của đá, Mưa bụi ; Người đàn bà chịu khát, Đám mây dĩ vãng ; Đi bầu thành hoàng, Về quê ăn giỗ ; Mối tình chàng Lung mù, Gã nhà quê, Chuyện lạ trên núi Mất Rồng ; Ngày không bình thường, Đùa của tạo hoá, Thành hoàng quê ngoại, Truyền thuyết trong mây, Cao điểm mùa hạ, Một chiều xa thành phố, Bi kịch nhỏ.

+ *Tiểu thuyết, truyện dài* : Hơn cả tình yêu, Mộng đế vương ; Điệp viên 04, Ông tướng tình báo và hai bà vợ ; Tình đời, Vũ trụ nghiêng ; Kho báu một dòng họ, Chuyện vật thời hậu chiến ; Người cuối cùng ở lại, Sóng gió, Vùng trời thủng ; Hồ sơ chưa kết thúc, Sóng đời để yêu ; Người ở thượng nguồn, Khoảng sáng không mất.

+ *Nghiên cứu-lí luận* : Nhà văn Nguyễn Tuân - Con người và sự nghiệp ; Văn học và nhân cách, Văn học tâm nhìn-biến đổi ; Về tính dân tộc trong văn học ; Luận chiến văn chương.

+ *Dịch thuật* : Truyện ngắn Quách Mạt Nhược, Truyện ngắn Cu Ba

Bảng kê tác giả văn học ở Thanh Hoá từ 1975 đến nay (mẫu)

TT	Họ và tên (? - ?)	Bút danh	Quê quán	Tác phẩm chính

b) Gạch chân những người hiện đang sống và sáng tác tại Thanh Hoá ?

c) Đánh dấu (*) vào hai tác giả người tỉnh ngoài nhưng sống, sáng tác trọn đời ở Thanh Hoá.

d) So sánh với lực lượng sáng tác, tác phẩm trước năm 1975.

2. Viết bài giới thiệu ngắn về một tác phẩm tùy chọn (thơ, truyện ngắn) của một nhà văn hiện đang sống, làm việc tại Thanh Hoá.

Gợi ý : Giáo viên nên phân công học viên theo nhóm và hoàn thành bài tập này, sau đó tổ chức cho học viên trình bày, trao đổi, đánh giá.

Bài 15 (1 tiết)

TÌM HIỂU VIỆC DÙNG PHƯƠNG NGỮ THANH HOÁ

MỤC TIÊU

Giúp học viên:

- Nắm một cách hệ thống từ ngữ địa phương Thanh Hoá trong sự tương ứng với từ ngữ toàn dân và các phương ngữ khác.
- Tác dụng diễn đạt của từ ngữ địa phương.
- Có ý thức và cách thức sử dụng từ ngữ địa phương hợp lí, đúng đắn.

I- TỪ TOÀN DÂN - PHƯƠNG NGỮ VÀ PHƯƠNG NGỮ THANH HOÁ

1. Tìm từ ngữ toàn dân và từ ngữ các địa phương khác tương ứng với từ ngữ Thanh Hoá để điền vào bảng sau :

Phương ngữ Thanh Hoá	Từ ngữ toàn dân	Từ ngữ vùng miền khác
bố, mẹ, u, thầy		
o		
hĩm		
chậy		
con kha		
con tru		
cá chuối		
cùn		
củ lang		
đi đàng		
bù lào		
cây lọ		
choa		
bay (chỉ người)		
gãy cẳng		
lộn về		
ẵm con		
đi cần, đi cần		
bâu vào		
viền		
tê tê		

răng rứa		
đi mô		
làm răng		
rứa đớ		
đớ		

2. Căn cứ vào bảng trên, hãy cho biết, phương ngữ thuộc các từ loại nào ?

3. Kết hợp với các bài học đã học, đồng chí có nhận xét gì về phương ngữ Thanh Hoá ? Nên sử dụng “tiếng Thanh Hoá” như thế nào khi nói và viết ?

II- BÀI TẬP

1. Giải nghĩa nội dung các câu sau :

- Ông tôi ngồi chấp bằng trên tấm phản gỗ.
- Nó đã sai lè lè mà còn lòng hồng lên mới tức chứ lậy !
- Cha đi bê đèn tón mới viên.
- Thôi liệu mà sở đi.

2. Sau đây là khổ thơ kể chuyện Tố Hữu đến thăm một gia đình sau mấy mươi năm xa cách :

*Ô kìa, cô bé nói hay sao !
Nhà của tôi, ai lại hỏi chào
Như thể khách đường xa ghé lại
Bố đi đâu, hĩm, mẹ đâu nào ?*

Hãy cho biết gia đình này thuộc tỉnh nào ? Vì sao khẳng định như vậy ? Tình cảm của tác giả dành cho gia đình này như thế nào ?

3. Anh Bình đi làm ăn trong Nam 3 năm, nay mới về. Bố mẹ tôi vui lắm.

Nhưng khi ngồi nói chuyện, nghe anh hỏi tôi : “Anh đi xa, ở nhà út có nghe lời ba, má không đó ?”, bố tôi liền nhăn mặt, khiến tôi chẳng hiểu tại sao. Rồi anh tỏ ra băn khoăn về việc bố ốm quá. Tôi càng không hiểu, vì lâu nay bố có ốm đau gì đâu.

Đồng chí có thể giải thích hộ thắc mắc của bạn được không ?

Bài 16 (1 tiết)

LỰA CHỌN, TÌM HIỂU, VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG Ở ĐỊA PHƯƠNG

MỤC TIÊU

Giúp học viên:

- Biết cách lựa chọn, tìm hiểu một sự việc, hiện tượng trong ở địa phương mình sinh sống.
- Có kĩ năng tạo lập văn bản nghị luận từ hiện tượng đã lựa chọn, tìm hiểu.
- Nâng cao ý thức quan tâm đến đời sống xã hội, trước hết là những sự việc, hiện tượng có ý nghĩa ở xung quanh.

I- LỰA CHỌN, TÌM HIỂU SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG Ở ĐỊA PHƯƠNG

1. Trong lớp, trong trường đồng chí đang học và làm việc, ở thôn xóm, làng xã đang sống, đồng chí thấy có sự việc, hiện tượng hoặc con người nào đáng chú ý, khiến nhiều suy nghĩ, rút ra bài học cho bản thân, bạn bè, cộng đồng. Ví dụ : quan hệ bạn bè, thầy trò ; áp dụng kiến thức học trong nhà trường vào đời sống, sử dụng điện thoại di động, việc thực hiện an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, công tác đền ơn đáp nghĩa, công tác từ thiện, bạo hành trẻ em, bạo lực học đường, bạo lực gia đình,...

2. Em có dẫn chứng gì về hiện tượng đã chọn. Dẫn chứng cần đưa như thế nào, khi nào có thể nêu địa chỉ cụ thể, khi nào cần phiếm chỉ (ẩn dấu) để không làm người đọc, người nghe thấy “phóng đại, tô màu” hoặc làm tổn thương, tổn hại thậm chí gây hiềm khích, oán giận,...cho người, hoặc địa phương nói tới ?

II- LUYỆN TẬP

1. Viết bài về sự việc hoặc hiện tượng đã lựa chọn, tìm hiểu, theo trình tự sau :

a) *Mở bài*

- Giới thiệu sự việc hoặc hiện tượng.
- Nêu khái quát ý nghĩa.

b) *Thân bài*

- Phân tích ý nghĩa (tác dụng hoặc tác hại) của sự việc hoặc hiện tượng.
- Đánh giá ý nghĩa.
- Đề xuất cách thức, biện pháp phát huy (nếu là sự việc, hiện tượng cần nêu gương) hoặc khắc phục (nếu là sự việc, hiện tượng gây tác hại hay có mặt gây tác hại).

c) *Kết bài*

- Tóm tắt chung và rút ra bài học.

2. Đọc, góp ý bài viết trước lớp.

Gợi ý : Học viên (cá nhân hoặc tổ, nhóm) chuẩn bị trước phần I. Trong tiết học trao đổi, thảo luận để xác định đề tài và thực hiện phần luyện tập theo đề tài đã xác định

III- BÀI TẬP VỀ NHÀ

1. Hoàn chỉnh bài viết trên lớp.

2. Lựa chọn, tìm hiểu để viết về một sự việc, hiện tượng khác ở địa phương.

Bài 17 (1 tiết)

TÌM HIỂU TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG Ở THANH HOÁ (tiếp theo)

MỤC TIÊU

Giúp học viên:

- Nắm khái quát về phương ngữ Thanh Hoá;
- Hiểu ý nghĩa và cách sử dụng.

I- KHÁI QUÁT VỀ PHƯƠNG NGỮ THANH HOÁ

1. Phương ngữ Thanh Hoá cũng như các phương ngữ khác gồm những lớp từ ngữ nào ?
2. Hãy tìm các từ ngữ mà chỉ người Thanh Hoá mới dùng, mới hiểu. Từ kết quả này, đồng chí rút ra nhận xét gì ?
3. Phương ngữ Thanh Hoá gần với phương ngữ miền Bắc, miền Trung hay miền Nam ?
4. Phương ngữ có giá trị biểu đạt gì ? Khi sử dụng cần chú ý điều gì ?

II- BÀI TẬP

1. Hồi chống Mỹ, một nhóm học sinh Nghệ An ra Thanh Hoá học đại học. Họ tập trung lại để nhận chỗ ở. Một học sinh nam hỏi :

- Thưa bố, rứa nhà con ở mô ?

- Anh ở nhà tôi, còn chị ấy phải sang nhà khác !

Bác cán bộ địa phương đáp, khiến cả nhóm cười ồ làm bác cán bộ khó chịu. Nhưng sau khi được giải thích, hiểu ra, bác cũng cười vui vẻ.

Theo đồng chí, ở đây có sự hiểu nhầm như thế nào ?

2. Cho đoạn trích sau :

Chỉ hai năm sau, hĩm Sót trở thành ca sĩ Mộng Loan...Thế mà giờ đây Mộng Loan lại nằn nì tôi cho được chuyển sang một cơ quan khác, không phải để phát triển tài năng mà đảm bảo đời sống gia đình...Thế rồi cuộc chia tay được tổ chức tại nhà Mộng Loan. Nhiều chị em nhìn Mộng Loan bằng con mắt thèm muốn.

- Từ nay mi sướng rồi, không còn khổ như choa nữa.

Có cô thì thắm với Mộng Loan :

- Mi sang bên nư, coi ra rãng, nói ví họ cho tau chuyển sang ví...

Mộng Loan cười nói hớn hở...Nhưng nụ cười dần tắt. Nét mặt cô trở nên bản thân, và đột nhiên cô ôm lấy mặt khóc nức lên...

Chị em diễn viên nhao nhác :

- Tề, rãng mi lại khóc

(*Biển tấu, Đặng Ái - NXB Lao động, 1996*)

a) Tìm từ ngữ ngữ địa phương trong đoạn trích và cho biết đó là của nơi nào ?

Qua đây đồng chí có thể rút ra đặc điểm gì của phương ngữ này ?

b) “Phiên dịch” các từ ngữ địa phương sang từ ngữ toàn dân.

c) Tác giả dùng nhiều từ ngữ địa phương như vậy nhằm mục đích gì ?

3. Phân tích để tìm ra cốt cách con người một vùng miền trên đất nước ta trong đoạn thơ sau của Nguyễn Duy.

*Qua ngẫm chán, sống nghĩa là xả láng
ăn hết nhiều chớ ở hết bao nhiêu
nhà cửa tà tà che lá dừa lá mía
nón áo khỏi lo nhưng nhậu phải đều đều
Ai nghèo đói qua nhường cơm xẻ áo
bụng người sôi cũng sôi giống bụng ta
ki cóp một thân làm chi cho cực
giàu ở lòng còn đẹp ở thịt da
Chủ dục khách nhậu đi đừng hỏi nữa
việc bán lúa dư đăng báo chi cho phiền
dư ít nuôi làng, dư nhiều nuôi nước
thành tích có gì mà phải nêu tên...*

BÀI TẬP VỀ NHÀ

Tìm thêm dẫn chứng về tiếng địa phương các vùng miền trên đất nước ta qua lời nói sinh hoạt cũng như trong văn, thơ.

Bài 18 (1 tiết)

KHẮC SÂU LÍ THUYẾT, KĨ NĂNG NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG Ở ĐỊA PHƯƠNG

MỤC TIÊU

Giúp học viên:

- Khắc sâu thêm kiến thức, kĩ năng đã học về văn nghị luận và nghị luận về một sự việc, hiện tượng ở địa phương.
- Trên cơ sở nắm vững lý thuyết, thực hành tốt các thao tác tạo lập văn bản.

LUYỆN TẬP

1. Đánh giá một số bài viết đã chuẩn bị theo yêu cầu của tiết 101.
2. Thực hành đề cho sau (lập dàn bài, đánh giá dàn bài, chọn viết một phần trong dàn bài).

TRÊN SÂN TRƯỜNG

Đưa chơi đáo đưa nhảy vòng
tôi không chơi đáo vì không có tiền

Có tiền tôi cũng không chơi
vì tôi không muốn bạn tôi mất tiền

Tung tăng tôi ngắm tôi nhìn
con sông có bóng con thuyền thả câu.

Đây là bài thơ làm năm lên 9 tuổi của nhà thơ Nguyễn Duy. Đọc bài thơ đồng chí có suy nghĩ gì về trò chơi của học sinh hiện nay.

3. Góp ý bài thực hành ; khắc sâu lí thuyết, kĩ năng nghị luận về một sự việc, hiện tượng ở địa phương.

BÀI TẬP VỀ NHÀ

Hoàn thành văn bản theo dàn bài đề văn đã được góp ý.
